BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:6001271719, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK, L=ĐẮC LẮC, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-03 07:51:10

DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Hướng đến *"Phát triển bền vững"*

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, đối tác và toàn thể Cán bộ Công nhân viên DRI!

Năm 2018 nền kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại do những bất ổn về kinh tế, chính trị tại những Quốc gia lớn, đặc biệt là căng thẳng thương mại giữa hai cường quốc là Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp nói chung, ngành cao su nói riêng vốn dĩ dễ bị tổn thương. Trong bối cảnh đó ngành cao su thiên nhiên tiếp tục trải qua nhiều khó khăn thách thức. Tuy nhiên với những nỗ lực Ngành cao su nói chung, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk-(DRI) nói riêng đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào. DRI vẫn tiếp tục nằm trong top những doanh nghiệp có năng suất vườn cây cao trên 2 tấn/ha, bộ máy quản lý gọn nhẹ với tỷ lệ gián tiếp thấp, chi phí giá thành thấp. Sản phẩm cao su xuất khẩu đã tiếp cận được với những khách hàng khó tính như EU, Mỹ, Hàn Quốc, …

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, tác động của biến đổi khi hậu toàn cầu. Với đặc thù là ngành sản xuất kinh doanh về lĩnh vực nông ng-hiệp Ban lãnh đạo Công ty đã xác định chiến lược phát triển phải gắn với sự bền vững, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Tháng 7 năm 2017 DRI đã ký bản ghi nhớ với Hiệp hội cao su Việt Nam, Tổ chức Con người & Thiên nhiên (Pan Nature), Tổ chức Oxfarm Việt Nam chính thức tham gia hướng dẫn tự nguyện về Phát triển bền vững từ đó đánh dấu một bước ngoặc mới trên con đường phát triển của Công ty.

Năm 2018 bên cạnh những nỗ lực tập trung cho phát triển kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty đã có những quyết sách, những định hướng xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững và đã triển khai thực hiện với mục tiêu ngày càng tiệm cận cả chiều sâu và chiều rộng với các tiêu chí Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc với khát vọng đưa Công ty ngày càng tiến xa hơn, vương tầm ra Khu vực và Thế giới.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, chúng tôi bày tỏ sự cảm kích tới tất cả các cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên Công ty đã đồng hành và ủng hộ trong suốt thời gian qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục điều hành công ty đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, đưa Công ty hướng đến sự Phát triển bền vững và trường tồn, lấy chỉ tiêu minh bạch làm tôn chỉ cho mọi hành động để nhận được sự ủng hộ và đồng hành lâu dài của tất cả các quý vị.

Năm 2019 vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng chúng tôi quyết tâm điều hành công ty "*Phát triển về kinh tế - Thân thiện với môi trường – Trách nhiệm Xã hội*".

Chúc quý vị sức khỏe và thành công!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Viết Tượng.

CAO SU MÙA THAY LÁ

Thời điểm cuối năm, đất nước Lào bước vào mùa khô – mùa mà ánh nắng sẽ chói chang hơn, những cơn mưa cũng sẽ ít xuất hiện hơn các thời điểm khác trong năm. Đây cũng là mùa thay lá của cây cao su.

Lúc này, trên mặt đất là những lớp lá vàng rụng. Còn trên cây thì lá vàng, lá đỏ chen lẫn lá xanh. Mùa thay lá là mùa để cây cao su nghỉ ngơi sau một thời gian dài tận hiến.

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG	06
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	20
PHẦN III: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	30
PHẦN IV: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	40
PHẦN V: BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC	58
PHẦN VI: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	68
PHẦN VII: BÁO CÁO QUẢN TRỊ	74
PHẦN VIII: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	86

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành & phát triển

Ngành nghề & địa bàn kinh doanh

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Cơ cấu bộ máy tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
TÊN TIẾNG ANH	DAKLAK RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
TÊN VIẾT TẮT	DRI
MÃ CHỨNG KHOÁN	DRI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	6001271719 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 29/09/2015
VỐN ĐIỀU LỆ	732.000.000.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	30 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Buôn Mê Thuộc, Tỉnh Đăk Lăk
SỐ ĐIỆN THOẠI	(262) 3867 676
SỐ FAX	(262) 3865 303
EMAIL	dri@dri.com.vn
WEBSITE	www.dri.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đăk Lăk (DRI) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 6001271719 do Sở kế hoạch và đầu tư Đăk Lăk cấp ngày 24/02/2012. DRI có 07 lần thay đổi giấy phép hoạt động. Công ty được thành lập theo đề án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Công ty TNHH MTV Cao su Đăk Lăk (Dakruco) với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VNĐ nhằm quản lý dự án đầu tư cây cao su và các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

2012

Năm 2012:
Công ty bắt đầu xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Lào với công suất 10.000 tấn/năm và đã đưa vào hoạt động vào tháng 11/2018

Tháng 07/2012: Công ty tiếp quản lại Công ty TNHH Cao su Đăk Lăk (DAKLAORUCO) tại Lào từ Công ty mẹ Dakruco. Từ đó DRI ngày một khẳng định được thương hiệu cao su DRI-DAKLAORUCO trên thị trường Thế giới.

2013

Năm 2013:
Công ty xây dựng phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành 2.320.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm bổ sung vốn lưu động cho các dự án trồng mới cao su, mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su.

2014 - 2015

Năm 2014:
Công ty hoàn thành việc tăng vốn lên thành 732.000.000.000 VNĐ.

Năm 2015:
80% diện tích vườn cây cao su trên tổng số 8.810,5 hecta đã đưa vào khai thác với doanh thu đạt hơn 400 tỷ đồng và nhân sự đến hơn 2.400 người.

2016 - 2017

Năm 2016:
Công ty được UBCKNN chấp thuận là Công ty đại chúng.

Năm 2017:
Thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sản UpCom vào ngày 23/05/2017

2018

Năm 2018:
Công ty hoàn thành việc nâng cấp dây chuyền chế biến mủ cao su, nâng công suất lên 18.000 tấn/năm. Triển khai dự án nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao tại Xã CuKpo, huyện Krong Buk- Tỉnh Đắk Lắk- Việt Nam

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

36,24% Tỷ lệ xuất khẩu 2018

35% Kế hoạch xuất khẩu 2019

40% Tỷ lệ xuất khẩu phấn đấu năm 2019

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su.
- Chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên.
- Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác.
- Bán buôn máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, sản xuất nông nghiệp.
- Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, thu mua các loại chuối chất lượng cao và các loại cây ăn quả khác phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu.

Sản phẩm tiêu biểu: SVR 3L, SVR CV60, SVR 10, chuối xuất khẩu

Địa bàn kinh doanh

Vườn cao su được trồng tại 2 tỉnh Chăm PaSăk và Salaval tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Cây trồng nông nghiệp khác tại tỉnh Đăk Lăk, Đăk Nông.

Sản phẩm được xuất bán đi các nước Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Hàn quốc, Bỉ, Ấn độ, Malaysia, Singapore, Đài loan, Trung quốc,…

Vườn chuối và sầu riêng trồng tại Xã CuKpo, Huyện Krongbuk, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI

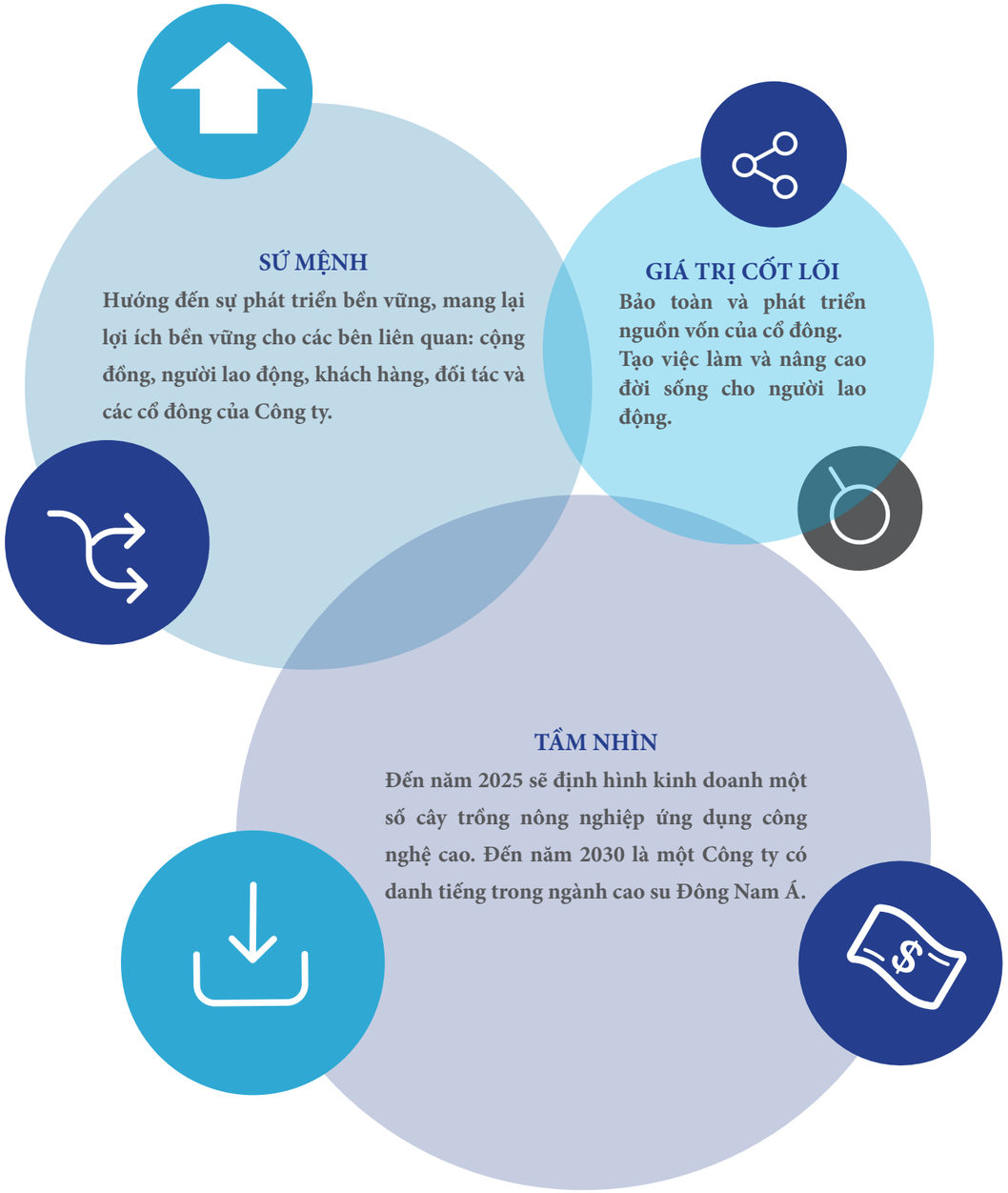

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan

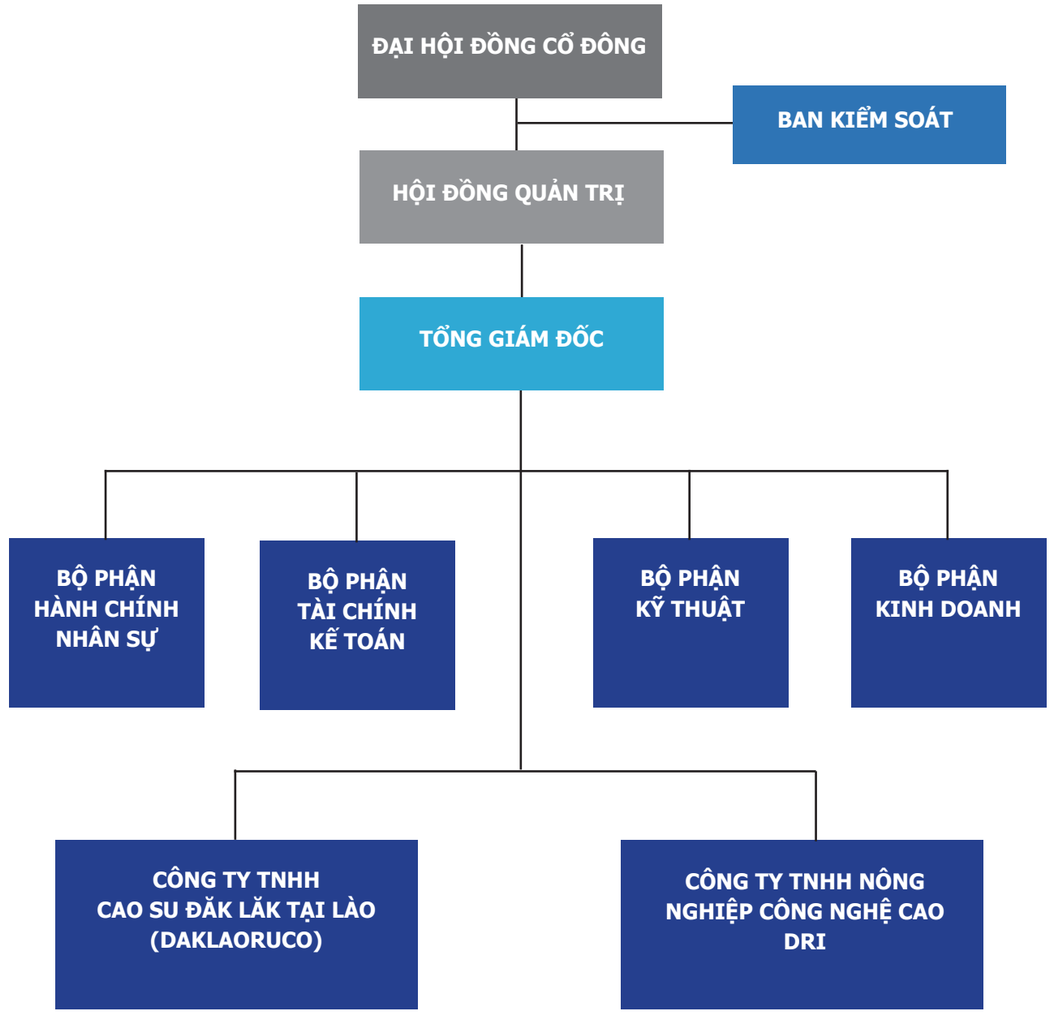

Các Công ty con, Công ty liên kết:

Công ty con:

Công ty TNHH cao su Đăk Lăk tại Lào (Daklaoruco)

- Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- Tỷ lệ sở hữu: 100% vốn điều lệ

Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ : 20.000.000.000 VNĐ (Hai mươi tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu : 75% vốn điều lệ

Công ty liên kết:

- Không có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty, mang lại lợi nhuận cao nhất có thể cho Công ty và cổ đông.
- Duy trì năng suất bình quân trên 2 tấn/ha; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính ổn định và đồng đều của sản phẩm; sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu Công ty với khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tham tán thương mại; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và hội thảo trong và ngoài nước. Không ngừng gia tăng tỷ lệ sản lượng mủ cao su xuất khẩu trong tổng sản lượng hàng bán ra của Công ty, nâng cao giá trị thương hiệu.
- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tốt, tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động không quá 7,5 %
- Củng cố thâm canh vườn cây, kiểm soát việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ KHKT theo hướng phát triển bền vững, phương pháp quản lý hiệu quả vào sản xuất nhằm đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định;
- Làm tốt công tác quản trị chi phí, giá thành, luôn duy trì giá thành mủ cao su và các sản phẩm nông nghiệp khác ở mức hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, lợi ích cho các cổ đông.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Quản lý tốt các dự án phát triển cao su tại các tỉnh Nam Lào;
- Phát triển thêm các dự án trong nước về sản xuất Nông nghiệp ứng dụng Công nghệ cao như sản xuất các loại trái cây phục vụ cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Đầu tư mua cổ phần, tham gia cổ đông chiến lược ở các Công ty có nền tảng tốt đang trong quá trình cổ phần hóa;
- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh vững chắc nhằm phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty;
- Xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và các thành viên khác trong Công ty.
- Xây dựng và triển khai Lộ trình Phát triển cao su bền vững, thân thiện với môi trường, cộng đồng, m ang lại lợi ích bền vững cho Công ty và các bên liên quan.

Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Với môi trường

- Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, tạo sinh kế ổn định cho dân cư trong vùng dự án, thay đổi tập quán canh tác, bỏ được tập tục du canh, du cư của người dân Lào;
- Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường; Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường tại nước sở tại;
- Phát triển cao su bền vững thông qua chương trình tham gia tự nguyện cùng với một số đơn vị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng tới được chứng nhận Quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế do FSC cấp;
- Năm 2019 đầu tư hệ thống nước thải tại nhà máy chế biến, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường tại Daklaoruco theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015;
- Tiếp tục phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đăk Lăk, Việt Nam theo hướng tăng hệ số sử dụng đất, sử dụng nước tiết kiệm, áp dụng công nghệ sinh học, giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường…

Với xã hội

- Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại Lào, ở mỗi Nông trường cao su Công ty đều xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho công nhân và nhân dân trong vùng dự án, hỗ trợ xây dựng trường học, làm đường nội bộ, trạm điện, nước sạch, hỗ trợ xây dựng các công trình tôn giáo (chùa), hỗ trợ người dân tỉnh Attapư do sự cố vỡ đập thủy điện và các hỗ trợ bằng tiền khác cho địa phương;
- Phát triển các dự án về nông nghiệp ứng dụng cộng nghệ cao tại Đăk Lăk, Việt Nam nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại vùng dự án, đưa công nghệ mới vào sản xuất, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương nơi sản xuất.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư tại nước ngoài, DRI luôn tuân thủ tốt các quy định về Luật pháp, không vi phạm các quy định trong công ước về lao động Quốc tế trên địa bàn hoạt động và nộp đầy đủ các khoản ngân sách cho nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Việt Nam đồng thời thực hiện tốt các quy định trong Hiệp định ký kết giữa hai bên;
- Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo sự an toàn, giảm lao động nặng nhọc, độc hại.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Sự khởi sắc của nền kinh tế thế giới trong năm 2017 đã tạo tiền đề cho sự tăng trưởng đột phá kinh tế trong năm 2018, một phần do tác động mạnh mẽ của quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhiều quốc gia đã ứng dụng thành công thành tựu Công nghiệp 4.0 làm cho năng suất lao động tăng lên rõ rệt. Nền kinh tế châu Á có mức tăng trưởng cao cùng với sự "đột phá" của Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc… đã trở thành động lực, là đầu tàu phát triển của kinh tế thế giới hiện nay.

Các nền kinh tế ở các nước phát triển như Mỹ, Trung Quốc và một số nước Châu Âu đang dần bị tụt lại phía sau bởi những căng thẳng và xung đột thương mại ngày càng trở nên gay gắt. Bên cạnh đó, việc tồn tại những khó khăn về cạnh tranh giá cả hàng hóa, sức ép lạm phát hay xu hướng bảo hộ thương mại và hàng rào phi thuế quan trên thế giới ngày càng gia tăng gây ảnh hưởng tiêu cực tới tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, thị trường cao su Việt Nam nói riêng cũng như thị trường thế giới nói chung, giá cao su vẫn đang tiếp tục duy trì ở mức thấp, mặc dù có một số dấu hiệu hồi phục vào khoảng giữa tháng 09/2018, thị trường cao su vẫn xuất hiện những lo ngại bởi sự suy thoái của nền kinh tế Trung Quốc và diễn biến khó lường cuộc chiến thương mại Mỹ – Trung. Bên cạnh đó, thị trường ô tô Trung Quốc đang đối mặt với nguy cơ sụt giảm mạnh, đồng nghĩa với việc ngành công nghiệp sản xuất xăm lốp cũng giảm theo, điều này cũng tác động trực tiếp đến giá cả cao su thiên nhiên bởi Trung Quốc là quốc gia chiếm tới 40% sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trên toàn thế giới.

Rủi ro về đặc thù kinh doanh

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DRI nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình tăng trưởng kinh tế toàn cầu, giá dầu thô, tình hình dự trữ cao su của Trung Quốc cùng chính sách tiền tệ ở các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật,….

Hiện nay, Trung Quốc là thị trường tiêu thụ cao su thiên nhiên lớn nhất của Thế giới, hàng năm tiêu thụ trên 40% sản lượng cao su toàn cầu, vượt xa các thị trường tiêu thụ khác. Tuy nhiên, căng thẳng chiến tranh thương mại Mỹ – Trung gần đây đã tác động không nhỏ đến tình hình biến động giá cao su trên thị trường Thế giới. Cụ thể, để bảo hộ nền Công nghiệp săm lốp, Mỹ đã áp dụng chính sách thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng lốp xe, gây ảnh hưởng rất lớn tình hình cung cầu cao su thiên nhiên trên Thế giới.

Bên cạnh đó, sự suy yếu của đồng Nhân dân tệ và mạnh lên của đồng Đô la Mỹ cùng " Yếu tố sản lượng tiềm năng" vẫn còn hiện hữu và dự báo kéo dài đến hết năm 2022 sẽ là rào cản cho giá cao su tăng ổn định trở lại. Tại các nước: Thái lan, Malaysia, Ấn độ,…sẽ gia tăng năng suất khai thác mủ cao su khi giá cao su lên cao; Lĩnh vực đầu tư mới được triển khai tại xã Cư Kpô, huyện Krông Buk, tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam, với cây chuối – sầu riêng trồng xen trên đất trồng cao su của Công ty cổ phần cao su Đăk Lăk (Dakruco) là một hương đi mới, so với kinh nghiệm về tổ chức sản xuất, về thị trường của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Với đặc thù vườn cao su nằm tại Lào và tình hình xuất khẩu có xu hướng tăng qua các năm, DRI chịu tác động bởi sự thay đổi của tỷ giá. Năm vừa qua, với sự mất giá của đồng Nhân dân tệ cùng sự mạnh lên của đồng Đô la Mỹ ảnh hưởng khá nhiều đến các chỉ số tài chính của Công ty. DRI luôn phải theo sát những diễn biến của của tỷ giá và có những chính sách phù hợp nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.

Rủi ro về luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với địa bàn hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh tại Lào. Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý ở nước sở tại. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách của Lào đang được đổi mới, do vậy Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su và các loại cây trồng nông nghiệp khác.

Rủi ro về biến đổi khí hậu

Theo Ủy ban liên Chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC), Khu vực Đông Nam Á được xếp hạng là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu do đô thị hóa và tập trung vốn kinh tế dọc theo bờ biển và vùng đồng bằng, cũng như sự phụ thuộc kinh tế vào nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên. Trong đó, ngành nông nghiệp là lĩnh vực phải đối mặt với nhiều rủi ro nhất trong công cuộc phát triển bền vững và đóng góp chung vào nền kinh tế.

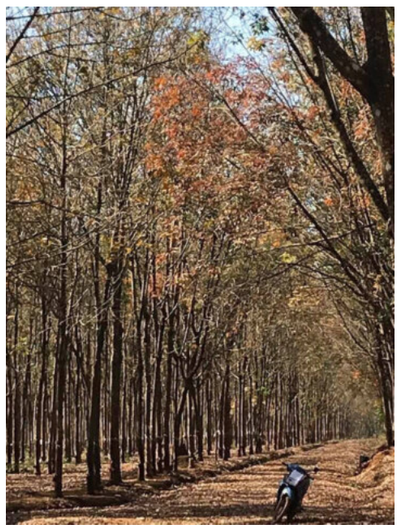

Mặc dù diện tích cao su của DRI nằm hoàn toàn tại Lào là nước nằm sâu trong thềm lục địa, ít ảnh hưởng của bão. Tuy nhiên năm 2018, vườn cây cao su tại Lào phải chịu ảnh hưởng lớn của các đợt gió lốc mạnh, mưa tập trung kéo dài dẫn đến số ngày nghỉ cạo cao kỷ lục khoảng 65 ngày/năm. Điều này đã làm ảnh hưởng nặng nề đến tình hình khai thác và khả năng hoàn thành kế hoạch sản lượng của DRI trong năm.

Để hạn chế những ảnh hưởng khó lường của tình hình biến động khí hậu tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm DRI cùng với 02 đơn vị thuộc Tập đoàn cao su Việt Nam đã tham gia hướng dẫn tình nguyện phát triển bền vững với sự hỗ trợ của Trung tâm con người và thiên nhiên, tổ chức Oxfarm Việt Nam và Hiệp Hội cao su Việt Nam nhằm hướng tới được công nhận về quản lý lý rừng cao su bền vững theo các chuẩn mực Quốc tế.

Rủi ro về các dự án cao su tại Công ty con DAKLAORUCO

Hiện nay, Công ty TNHH Cao su Đăk Lăk (DAKLAORUCO) là Công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào. Do đó tình hình hoạt động tại DAKLAORUCO có ảnh hưởng trực tiếp đến với hoạt động kinh doanh của DRI.

Dự án trồng cao su nằm tại Lào với những cách biệt về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, nước bạn có nhiều lễ hội nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

DRI cũng chịu rủi ro về sự thay đổi về các chính sách liên quan đến đầu tư dự án, chính sách thuế,.. của chính phủ Lào và Việt Nam;

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro kể trên, DRI cũng chịu sự tác động trực tiếp của một số rủi ro có thể nói đến như Sự bất ổn về chính trị tại Lào, rủi ro cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, rủi ro thiên tai hỏa hoạn...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ động, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

“TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH”

DRI sở hữu sản phẩm thế mạnh là các loại mủ cốm và đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường cao su trong nước cũng như xuất khẩu. Các dòng mủ thế mạnh như: SVR CV60, SVR 10, SVR 3L có chất lượng cao, ổn định nên đáp ứng chặt chẽ các yêu cầu của nhà sản xuất về chất lượng, đặc tính, màu sắc và độ đàn hồi.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì được nguồn cung nguyên liệu mủ cao su đầu vào ổn định với số lượng lớn. Các vườn cao su đang trong giai đoạn sung sức nhất với năm khai thác cao nhất hiện nay là 08 năm, trong khi số năm khai thác trung bình của cây cao su là từ 20-25 năm là yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của DRI luôn đạt mức cao. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, giá cao su thế giới có những biến động lớn. Vì vậy, không chỉ riêng DRI mà các doanh nghiệp cùng ngành cũng đang vấp phải những khó khăn nhất định, làm cho doanh thu và lợi nhuận năm 2018 của DRI có sự sụt giảm tương đối.

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	So với KH 2018	So với thực hiện 2017
1	Sản lượng							
	Cao su	Tấn	15,614	18.480	18.500	18.139	98,04%	99,13%
	Điều	Tấn	134	201	203	187,2	92,22%	93,13%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	400	583	625	514	82,26%	88,16%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,6	120,28	113	48,55	42,96%	40,36%
4	Tỷ lệ xuất khẩu theo doanh thu	%	25.98%	9,52%	30%	36,24%	120%	378,15%

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thực hiện tại công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn là Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào. Công ty con tại Lào hiện đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 8.283,38 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn; 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây cao su sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2018 là 2,16 tấn/ha, trong đó năng suất ở những vườn kinh doanh năm thứ 6,7 đạt trên 03 tấn/ha.

Sản lượng năm 2018 là 18.139/18.500 tấn đạt 98,04% so với kế hoạch năm do số ngày nghỉ mưa trong năm 2018 cao (65 ngày/năm);. So với quy trình kỹ thuật về khai thác mủ cao su và năng suất bình quân của các công ty cao su trong ngành Cao su Việt Nam thì Công ty có ưu thế tương đương hoặc hơn, nằm trong nhóm năng suất cao và triển vọng do vườn cây đều thuộc nhóm I là nhóm có năng suất đang trên đà đi lên.

Kết quả kinh doanh năm 2018 DRI đạt được như sau:

- Sản lượng khai thác được 18.139 tấn đạt 98,04% so kế hoạch do biến động của thời tiết, số ngày nghỉ mưa rất nhiều (65 ngày), 2.050 ha cao su kinh doanh năm thứ 7,8 tại nông trường 1 đang ở vùng huy động mủ thấp chuẩn bị cho chuyển đổi mặt cạo.
- Doanh thu đạt 514,16 tỷ đồng đạt 82,26% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 48,54 tỷ đồng đạt 42,95% kế hoạch. Nguyên nhân do giá bán giảm 6,12% so giá bán kế hoạch, sản lượng tiêu thụ giảm 11,86% so kế hoạch (xuất bán 16.791,8 tấn/19.052 tấn)
- Tỷ lệ xuất khẩu tăng mạnh từ 9,52% năm 2017 lên 36,24% năm 2018, các sản phẩm cao su của DRI đã xâm nhập vào thị trường khó tính như Đức, Bỉ, Mỹ, Tây Ban Nha, …đây là những khách hàng mới do DRI nỗ lực tìm kiếm và bước đầu đã khẳng định được thương hiệu trên thị trường Thế giới.

Cơ cấu doanh thu thuần

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	397.562	99,21%	575.664	98,86%	508.195	98,86%
Điều	2.936	0,73%	6.638	1,14%	5.837	1,14%
Cà phê	244	0,06%	-	0,00%	-	0,00%
Tổng Cộng	**400.742**	**100,00%**	**582.302**	**100,00%**	**514.032**	**100%**

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Khoản mục	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (triệu đồng)	Biên lợi nhuận (%)	Giá trị (triệu đồng)	Biên lợi nhuận (%)	Giá trị (triệu đồng)	Biên lợi nhuận (%)
Cao su	135.705	34,13%	257.929	44,81%	176.207	34,67%
Điều	(844)	-	1.057	15,92%	383	6,57%
Cà phê	(581)	-	-	-	-	-
Tổng Cộng	**134.280**	**33,51%**	**258.986**	**44,48%**	**176.590**	**34,35%**

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính sản xuất cao su, nên cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của DRI với 98,86%. Bên cạnh đó, công ty với ưu thế vườn cây trẻ, giống tốt, năng suất vườn cây cao nên sản lượng sản xuất tăng trưởng bền vững qua các năm.

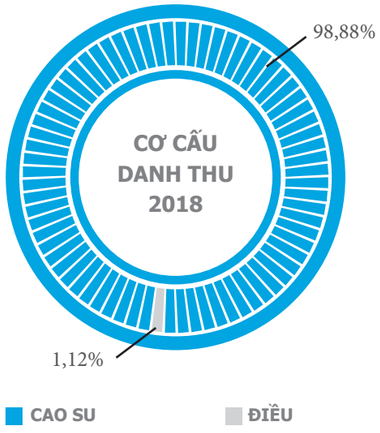

Tuy nhiên, năm 2018 tình hình giá cao su thiên nhiên trên Thế giới có những biến động khó lường, giá bán bình quân năm 2018 là 1.361,26 USD/tấn giảm 6,12 % so giá bán kế hoạch (1.450 USD/tấn) và giảm 148,74 USD so với giá bán bình quân năm 2017 (1.510 USD/tấn). Bên cạnh đó, sản lượng xuất bán năm 2018 là 16.791,8 tấn cũng thấp hơn so với năm 2017 (năm 2017 xuất bán 17.341 tấn) dẫn đến doanh thu thuần cao su năm 2018 chỉ đạt 508,195 tỷ đồng, sụt giảm 11,72% so với năm 2017.

Ngoài ra, năm 2018 DRI thu hoạch 187,15 tấn điều đạt 92,19% kế hoạch, doanh thu thuần bán điều khoảng 5,8 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,14% trong cơ cấu doanh thu. Hiện DRI đã ngưng đầu tư vào lĩnh vực cà phê kể từ năm 2017 do Tỉnh Chămpasak- Lào thu hồi diện tích đất trồng cà phê này.

Bên cạnh đó, DRI đang triển khai dự án trồng chuối, sầu riêng và các cây ăn quả khác tại xã CưKpô, huyện Krôngbuk, Đắk Lắk năm 2019 sẽ bắt đầu cho sản phẩm, doanh thu từ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sẽ đóng góp vào sự tăng trưởng về doanh thu trong những năm sắp tới.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đầu tư vào Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

Công ty con 1: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)

- Vốn điều lệ : 25.000.000 USD
- Tỷ lệ góp vốn: 100% vốn điều lệ
- Địa chỉ: Bản Tha Luông, Tỉnh ChămPasắk, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
- Hiện nay Daklaoruco đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 8.283,38 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn. 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2018 là 2,16 tấn/ha, trong đó năng suất ở những vườn kinh doanh năm thứ 06, 07 đạt trên 3 tấn/ha. Sản phẩm chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR 10 và SVR CV60, chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu khách hàng; Phòng kiểm định chất lượng sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Hệ thống quản lý được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công ty con 2: Công ty TNHH Công nghệ cao DRI

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ góp vốn: 75% vốn điều lệ
- Địa chỉ: 30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại chuối chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại trái cây như Mít, Sầu riêng, Bơ, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu; Chuyên thu mua các loại trái cây chất lượng cao như Chuối, Mít, Sầu riêng, Bơ, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất.
- Hiện nay dự án đang triển khai.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	2018/2017 (%)
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	1.417,78	1.487,35	1.458,63	98,07%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	400,74	582,30	514,03	88,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	59,12	188,84	71,84	38,04%
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	(31,07)	(36,41)	(9,92)	27,25%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	28,05	152,43	61,93	40,63%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	21,64	120,28	48,54	40,36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0%	50,64%	-	-

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**						
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,48	0,21	0,33	0,58	0,55
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,24	0,14	0,23	0,39	0,26
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**						
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	0,53	0,51	0,48	0,41	0,40
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,12	1,04	0,91	0,68	0,68
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**						
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,3	9,54	7,32	8,68	5,21
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,19	0,27	0,27	0,40	0,35
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**						
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,16	-	5,4	24,58	9,44
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,45	-	2,95	17,56	5,61
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,22	-	1,47	9,83	3,30
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,99	-	14,75	32,38	13,98

VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong giai đoạn 5 năm gần nhất, hệ số thanh toán của công ty đều có xu hướng tăng. Tuy nhiên năm 2018, cả hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đều có sự sụt giảm đáng kể so với năm 2017 đạt lần lượt là 0,55 lần và 0,26 lần. Tuy vậy, Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán đồng thời duy trì lượng vốn lưu động tối ưu hóa dòng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh

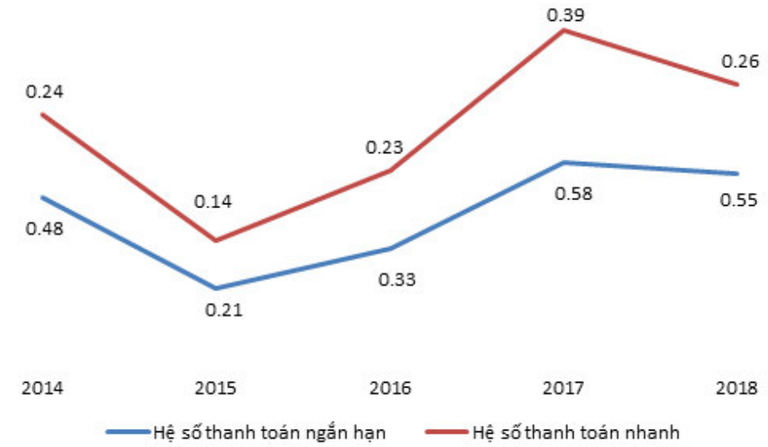

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Với đặc thù ngành cần nguồn vốn lớn để đầu tư vườn cao su, Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính lớn. Năm 2014, hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản đạt 0,53 lần. Tuy nhiên khi mà các vườn cây của DRI đều tăng trưởng tốt và đem lại dòng tiền ổn định cho Công ty thì các hệ số về đòn bẩy có xu hướng giảm dần qua các năm. Năm 2018, hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản chỉ còn 0,4 lần và hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu đạt 0,68 lần.

Trong cơ cấu nợ của DRI, chiếm tỷ trọng lớn vẫn là nợ vay. Trong đó tất cả các khoản vay nợ đều đều có bằng tài sản đảm bảo. Với lợi thế vườn cây sinh trưởng tốt tỷ lệ nợ vay được kì vọng sẽ giảm trong tương lai.

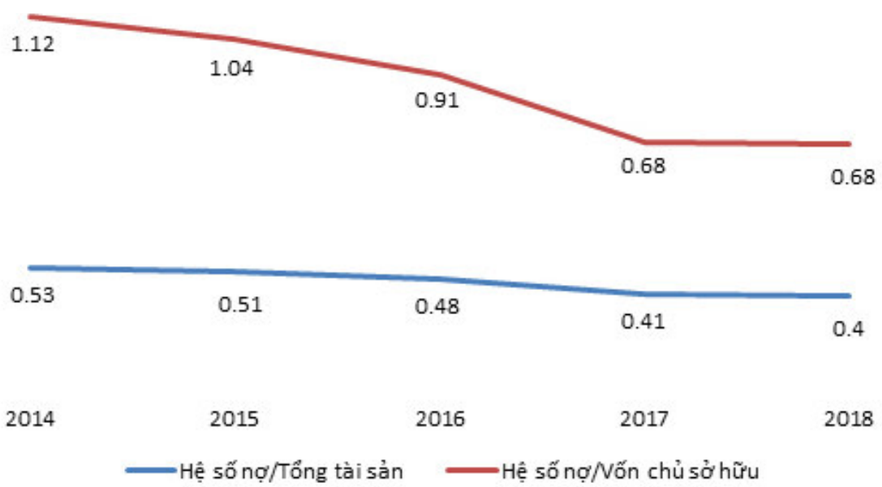

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của DRI trong năm qua đều có sự sụt giảm, vòng quay hàng tồn kho giảm mạnh từ 8,68 vòng xuống còn 5,21 vòng do giá trị hàng tồn kho vào thời điểm 31/12/2018 tăng cao từ 48,408 tỷ tại thời điểm đầu năm lên đến 81,123 tỷ vào thời điểm cuối năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giá cao su giảm sâu vào cuối quý 4 năm 2018, DRI chủ động tích trữ hàng tồn kho vào thời điểm giá xuống và sẽ đẩy mạnh bán hàng vào thời điểm kết thúc mùa nghỉ cạo khi giá cao su đã tăng.

Trong khi đó, chỉ số hiệu suất sử dụng Tổng tài sản cũng có sự sụt giảm nhẹ từ 0,4 lần xuống 0,35 lần do những khó khăn chung của ngành cao su.

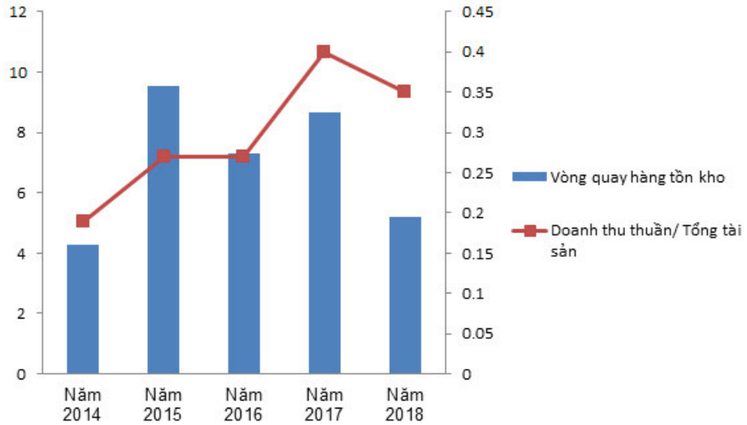

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các hệ số khả năng sinh lời của công ty đều có sự sụt giảm đáng kể so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu bởi những khó khăn trong tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Với tầm nhìn phát triển bền vững cùng nền tài chính vững mạnh kì vọng sẽ tạo động lực cho sự phát triển của DRI trong thời gian tới.

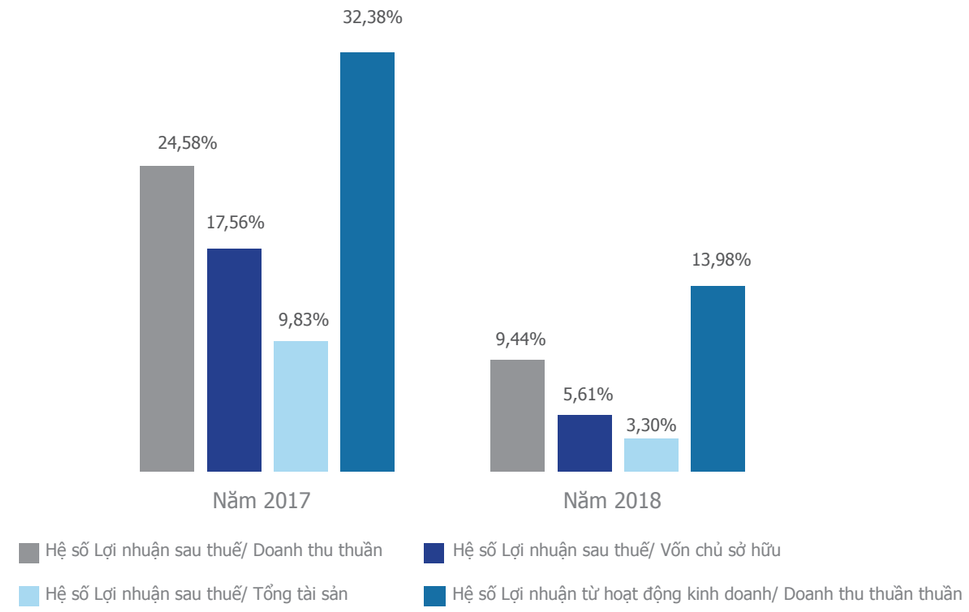

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 73.200.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Cổ phiếu thường: 73.200.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 73.200.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/03/2019

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	**Cổ đông nhà nước**	**1**	**48.750.000**	**66,60%**
2	**Cổ đông trong nước**	**1.932**	**24.392.422**	**33,32%**
	- Tổ Chức	7	2.454.463	3,35%
	- Cá nhân	1.925	21.937.959	29,97%
3	**Cổ đông nước ngoài**	17	57.578	0,08%
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	17	57.578	0.08%
	Tổng	**1.950**	**73.200.000**	**100%**

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Dakruco)	6000 175 829	30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	48.750.000	66,598%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua lại cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
7	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
8	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng
9	Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng Ban kiểm soát
1	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên Ban kiểm soát
11	Ông Âu Quý Vinh	Thành viên Ban kiểm soát

ÔNG NGUYỄN VIẾT TƯỢNG

Năm sinh: 01/01/1965
Trình độ chuyên môn: Thạc Sỹ Lâm Sinh, cử nhân kinh tế công nghiệp
Số cổ phiếu đại diện sở hữu: 48.750.000 cổ phiếu- 66,6% (Đại diện phần vốn góp của Dakruco đầu tư vào DRI)
Số cổ phiếu cá nhân nắm giữ: 100.000 cổ phiếu – 0,136% vốn điều lệ
Là Chủ tịch HĐQT từ tháng 08 năm 2015
Kinh nghiệm:

- 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp.
- 15 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, đã kinh qua các chức vụ : Thư ký bí thư tỉnh ủy, Bí thư huyện, Giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh, Bí thư thành ủy Thành phố Buôn Ma Thuột
- 03 năm là Chủ tịch Dakruco và Chủ tịch HĐQT DRI

Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:
+ Chủ tịch CTCP Cao su Đắk Lắk (Dakruco)
+ CT.HĐQT Cty CP kỹ thuật cao su(Dakrutech)
+ Chủ tịch Công ty TNHH MTV chỉ thun Đắk Lắk

ÔNG BÙI QUANG NINH

Năm sinh: 10/08/1966
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
Số cổ phiếu nắm giữ: 146.316 cổ phiếu (0,2% vốn điều lệ)
Là Phó Chủ tịch HĐQT DRI từ tháng 06 năm 2012
Kinh nghiệm:

- 07 năm là Kế toán viên, 03 năm là Kế toán trưởng đơn vị
- 12 năm phụ trách công tác kế toán, kế toán trưởng Dakruco
- 02 năm là kiểm soát viên nhà nước ,Trưởng ban Kiểm soát Dakruco
- 03 năm là Phó giám đốc Dakruco và từ 6/2015 đến nay là Giám đốc Dakruco, từ tháng 6/2012 đến nay là phó chủ tịch HĐQT DRI.

Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:
+ Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su
+ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gỗ cao su Đắk Lắk

ÔNG NGUYỄN HUY HÙNG

Năm sinh: 15/03/1977
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng
Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (chiếm 0%)
Là thành viên HĐQT từ tháng 10 năm 2012
Kinh nghiệm:

- 18 năm làm công tác kế toán trong ngành cao su
- 04 năm là nhân viên kế toán
- 03 năm làm giám đốc chi nhánh

Hơn 11 năm phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco) - nay là CTCP Cao su Đắk Lắk , từ tháng 10/2012 đến nay là thành viên HĐQT DRI.
Chức danh nắm giữ tại Công ty khác: Không

BÀ NGUYỄN KIM HOA

Năm sinh: 04/05/1967
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp
Số cổ phiếu nắm giữ: 124.196 cổ phiếu (chiếm 0,17%)
Là thành viên HĐQT DRI từ tháng 10/2012
Kinh nghiệm:

- Hơn 26 năm trong ngành cao su, đã trải qua các vị trí: Nhân viên KCS, Thư ký ISO Công ty Dakruco, Phó chánh văn phòng Dakruco
- Từ năm 2008 đến nay là chủ tịch Công đoàn Dakruco, bà tham gia thành viên HĐQT DRI từ tháng 10/2012 đến nay.

Các chức danh nắm giữ tại Công ty khác:
+ Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk

ÔNG NGUYỄN MINH

Năm sinh: 25/01/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Số cổ phiếu nắm giữ: 0 cổ phiếu (chiếm 0,00%)

Là thành viên HĐQT DRI từ tháng 04/2017.

Kinh nghiệm:

Hơn 23 năm trong ngành cao su, trải qua các vị trí: Nhân viên kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật đơn vị, Giám đốc nông trường cao su tại Daklaoruco, Giám đốc chi nhánh Nông trường cao su 30/4 thuộc Dakruco, từ tháng 09/2015 đến nay là Trưởng phòng kỹ thuật của Dakruco, Ông tham gia HĐQT DRI từ tháng 04/2017.

ÔNG LÊ THANH CẦN

Ông Lê Thanh cần – Tổng giám đốc

Năm sinh: 20/08/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 99.100 cổ phiếu (0,135% vốn điều lệ)

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017

Kinh nghiệm:

Ông có kinh nghiệm hơn 32 năm trong ngành cao su, trong đó 27 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ Nhân viên kỹ thuật, Trưởng trại giống, Giám đốc đơn vị, Trưởng phòng kỹ thuật Dakruco, Phó giám đốc, giám đốc Daklaoruco, Phó giám đốc DRI, từ tháng 09/2017 đến nay Ông là Tổng giám đốc DRI. Ngoài ra, ông còn rất có kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo sản xuất.

Chức danh nắm giữ tại Công ty khác:

Thành viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân nhân cao su Đắk Lắk

BÀ NGUYỄN THỊ HẢI

Năm sinh : 18/03/1970

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp – Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 350.000 cổ phiếu (0,478% vốn điều lệ)

Là thành viên HĐQT DRI từ tháng 04/2017.

Kinh nghiệm:

Bà đã có kinh nghiệm 24 năm trong ngành cao su trong đó 17 năm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ Nhân viên kỹ thuật, Thư ký ISO, Trưởng ban Công nghệ thông tin, Phó chánh văn phòng, Trưởng phòng nhân sự Dakruco. Từ năm 2012 đến nay bà là Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc DRI, thư ký HĐQT. Bà tham gia HĐQT DRI từ tháng 04/2017 đến nay.

ÔNG LÊ THANH CƯỜNG

Năm sinh : 10/05/1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Số cổ phiếu cá nhân sở hữu: 0 cổ phần (0,00% vốn điều lệ)

Là kế toán trưởng công ty từ 10/2013 đến nay.

Kinh nghiệm:

Ông đã có kinh nghiệm hơn 12 năm trong lĩnh vực kế toán, trong đó làm trong ngành cao su 10 năm, trải qua các vị trí Nhân viên kế toán, Kiểm toán viên Dakruco, từ tháng 10/2013 đến nay là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

ÔNG NGUYỄN THẠC HOÀNH

Năm sinh: 01/12/1966

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán

Số cổ phiếu nắm giữ: 100.000 cổ phiếu (0,13%)

Là trưởng ban kiểm soát DRI từ tháng 6/2012

Kinh nghiệm:

Ông có kinh nghiệm hơn 27 năm trong lĩnh vực kế toán, trải qua các vị trí kế Koán trưởng đơn vị, Trưởng bộ phận Lao động – Tiền lương Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk, từ tháng 06 năm 2012 đến nay là kiểm soát viên nhà nước, trưởng ban kiểm soát Công ty DRI

ÔNG ÂU QUÝ VINH

Năm sinh: 30/10/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Nông Lâm

Số cổ phiếu nắm giữ: 8.700 cổ phiếu (0,01%)

Là thành viên Ban kiểm soát DRI từ tháng 04/2017

Kinh nghiệm:

Ông có kinh nghiệm hơn 10 năm về lĩnh vực kế toán, đặc biệt là kế toán xây dựng cơ bản, từ tháng 04/2017 đến nay là thành viên Ban kiểm soát DRI.

ÔNG PHAN THANH TÂN

Năm sinh: 01/11/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số cổ phiếu nắm giữ: 136.485 cổ phiếu (0,186%)

Là thành viên ban kiểm soát Công ty DRI từ tháng 04/2015

Kinh nghiệm:

Ông đã có kinh nghiệm hơn 26 năm trong lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí Kế toán trưởng, Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk, từ tháng 04/2015 đến nay là thành viên Ban Kiểm soát DRI

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	**Phân loại theo giới tính**		
1	Nam	1.540	59%
2	Nữ	1.070	41%
II	**Phân loại theo trình độ**		
1	Trình độ đại học và trên đại học	70	2,68%
2	Trình độ cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp	56	2,15%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	2.406	92,18%
4	Lao động phổ thông	78	2,99%
III	**Phân loại theo tính chất lao động**		
1	Trực tiếp sản xuất	2.425	92,91%
2	Không trực tiếp sản xuất	185	7,09%
	Tổng	2610	100%

Thu nhập bình quân qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	11.144.686	12.285.000	14.899.750	16.798.344

Lương bình quân người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Lao động gián tiếp	Đồng/người/ tháng	13.38	15	13.97
Lao động trực tiếp	Đồng/người/ tháng	5,95	7,4	7

Chính sách lương, thưởng

DRI xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, nhân viên trong công ty sẽ được khen thưởng và điều chỉnh mức lương phù hợp dựa vào thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, công sức đóng góp và chất lượng hoàn thành công việc. Những chính sách này là một trong những biện pháp hiệu quả nhằm thu hút những lao động giỏi về với tổ chức và duy trì sự gắn kết giữa người lao động với công ty, giữ chân những người lao động giỏi và huy động tối đa năng lực làm việc của người lao động trong tổ chức.

Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được DRI đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, cán bộ công nhân viên Công ty đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng qui định Pháp luật.

Hàng năm, DRI tổ chức định kỳ các đợt tham quan, nghỉ mát cho cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các trò chơi, hoạt động thi đua giữa các bộ phận với nhau để tạo sự khăn khít giữa mọi người trong công ty và giúp nhân viên thư giãn, giải tỏa mệt mỏi.

Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước công ty, nhân viên sẽ được xem xét tăng lương nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc.

Ngoài ra, công ty còn tổ chức các chương trình nhân dịp Lễ, Tết Việt Nam, Tết Lào, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ, ..cho CBCNV của Công ty.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Nguyên tắc phát triển bền vững

Chiến lược phát triển bền vững ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Vai trò và trách nhiệm của các cấp quản lý trong việc triển khai phát triển bền vững của Doanh nghiệp

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

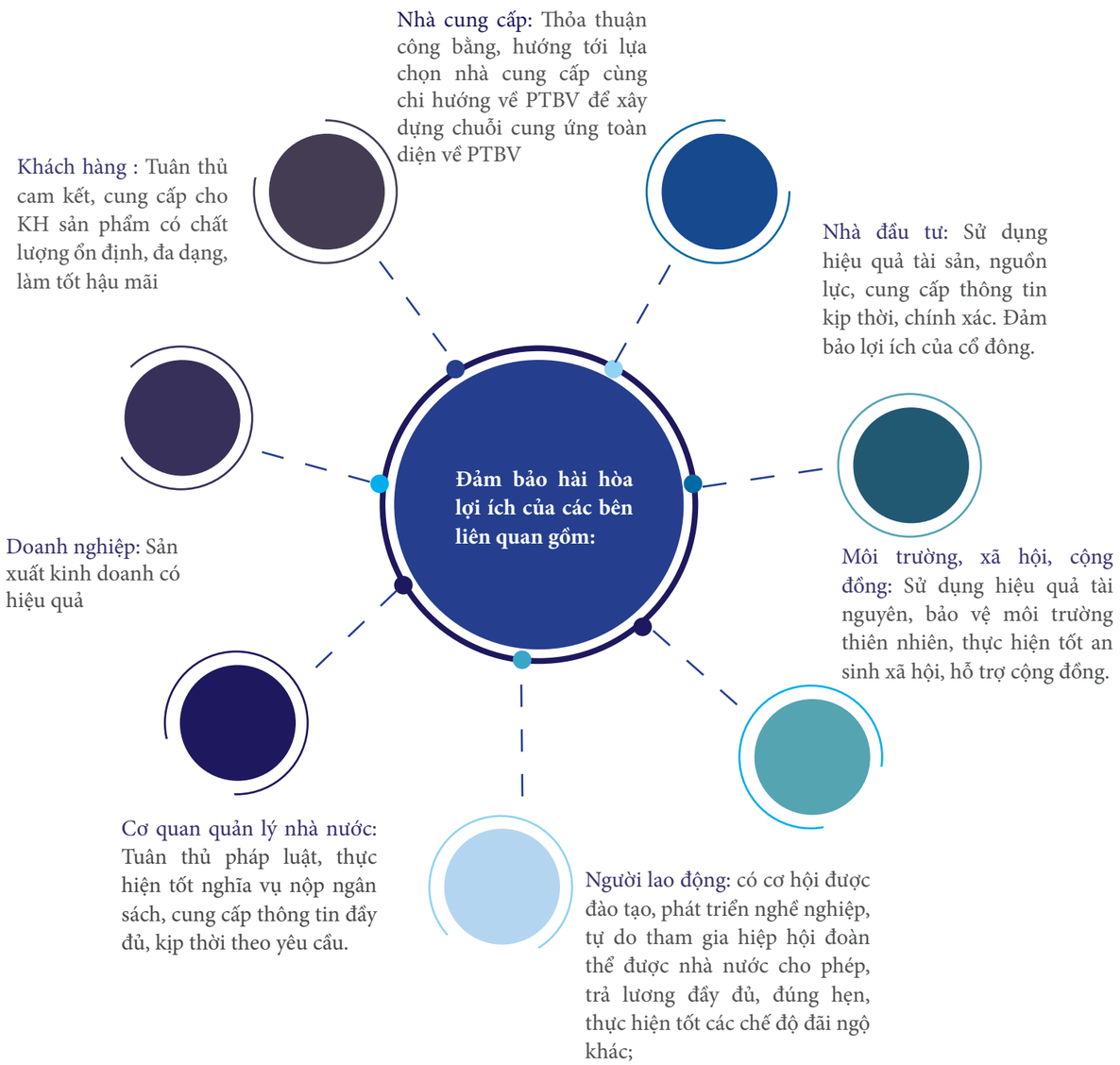

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm: Tuân thủ pháp luật của VN và các quốc gia mà DRI đầu tư, Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật

Trách nhiệm Giải trình: Đảm bảo việc hoạch định chiến lược cho Công ty, thực thi việc giám sát có hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT đối với cổ đông và các bên liên quan

Công bằng: Đối xử công bằng với tất cả cổ đông kể cả cổ đông nhỏ lẻ,

Bền vững: Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường;

Minh bạch: Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định kịp thời và chính xác. Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, DRI còn chủ động công bố những thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty hàng tháng, báo cáo về tình hình quản trị Công ty để các nhà đầu tư biết

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGẮN HẠN, TRUNG HẠN VÀ DÀI HẠN

Ngắn hạn (2018 - 2019)

- Xây dựng các trạm thu mủ nhằm giảm thời gian lao động trên vườn, tránh ô nhiễm cục bộ tại khu dân cư
- Đầu tư cải tại hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy chế biến mủ Daklaoruco đạt tiêu chuẩn B của Việt Nam và cấp chúng nhận. ISO 14.001:2015;
- Thay đổi cách tiếp cận với người lao động, dân bản trong vùng dự án nhằm tăng cường sự hiệu quả của việc truyền tải thông tin
- Tiếp cận và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn;
- Công khai, minh bạch thông tin
- Tạo việc làm cho dân cư trong vùng dự án, góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa phương

Giai đoạn 2019-2021 tầm nhìn 2025

- Tiếp tục thực hiện các hạng mục đề ra trong năm 2018-2019 như xây dựng trạm thu mủ, thay đổi cách tiếp cận, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, ..
- Tùy điều kiện từng năm bổ sung thêm vào kế hoạch các chỉ tiêu về PTBV theo hướng tiệm cận với các chỉ tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc cả về chiều rộng và chiều sâu.
- Được chứng nhận là doanh nghiệp quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế

PHƯƠNG THỨC TIẾP CẬN VÀ GHI NHẬN Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cổ đông/nhà đầu tư: Gặp gỡ trực tiếp, thông qua ĐHĐCĐ, fanpage, Website,

Người Lao động: Gặp trực tiếp, hội nghị người lao động, các chương trình đào tạo, tổ chức công đoàn, số hotline

Khách hàng: Thông qua đội ngũ bán hàng, gặp gỡ trực tiếp khách hàng, các buổi diner hàng năm do Hiệp hội cao su Việt Nam tổ chức và các cuộc Hội chợ chuyên ngành cao su trong nước và Quốc tế;

Đối tác/nhà cung cấp: Gặp gỡ trực tiếp

Cộng đồng: Bản trưởng, tham gia họp cộng đồng, các buổi tham vấn cộng đồng, số điện thoại hotline

Cơ quan quản lý: Thông qua các buổi họp, gặp mặt do Chính phủ, các Bộ, Sở Ban ngành tổ chức

VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ TRONG VIỆC TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc hoạch định mục tiêu chiến lược và phát triển bền vững:

- Tháng 07/2018 HĐQT đã ra nghị quyết về phát triển công ty theo hướng PTBV đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trên cơ sở hài hòa 03 chỉ tiêu: kinh tế - Xã hội- Môi trường.
- Rà soát, đánh giá lại tác động của dự án đến người dân và các bên liên quan
- Ban hành kế hoạch hành động PTBV cho giai đoạn 2018-2021 & kế kế hoạch chi tiết cho quý 04 -2018 và năm 2019
- Giám sát việc tổ chức triển khai.

Vai trò của Ban điều hành DRI và Daklaoruco trong việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về phát triển bền vững

- Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, dự trù kinh phí và nhân lực để thực hiện trên cơ sở các nghị quyết, chủ trương của HĐQT, ĐHĐCĐ
- Báo cáo kết quả triển khai
- Vai trò của Ban kiểm soát: kiểm tra giám sát việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về PTBV, việc triển khai của Ban điều hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các quy định của HĐQT, ĐHĐCĐ

CÁC HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ:

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2018	Kết quả
Cổ đông/Nhà đầu tư	• Hoạt động kinh doanh tăng trưởng hiệu quả, bền vững; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu. • Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông; • Thông tin minh bạch, kịp thời.	• Quản trị tốt giá thành đảm bảo kinh doanh có lãi trong điều kiện ngành cao su năm 2018 bất lợi về sản lượng và giá bán • Cung cấp thông tin về hoạt động của Cty hàng tháng • Chi trả cổ tức cho cổ đông trong điều kiện cho phép	• Giá vốn hàng bán giảm 2,77%/tấn so với kế hoạch tương đương khoản 06 tỷ đồng. Giá vốn hàng bán của DRI thuộc nhóm thấp nhất ngành cao su • Mặc dù tình hình kinh doanh không đạt như kỳ vọng, Công ty Chia cổ tức 5% cho cổ đông. • Hàng tháng đều công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty trên Website, Fanpage DRI
Khách hàng	• Chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu khách hàng • Tăng cường chỉ tiêu xuất khẩu	• Kiện toàn bộ phận xuất nhập khẩu tại DRI; mở rộng được nhiều khách hàng và thị trường mới; • Không ngừng cải tiến chất lượng SP, giảm khiếu nại của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Cty • Tiếp xúc gặp gỡ trao đổi với khách hàng	• Tỷ lệ xuất khẩu tăng từ 9,52% năm 2017 lên 36,24% năm 2018 trên tổng lượng hàng tiêu thụ
Người lao động	• Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp • Chế độ đãi ngộ • Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp	• Phân quyền và trách nhiệm cho nhân viên • Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các chế độ BH khác • Được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc	• Trong năm 2018 đã đào tạo 330 người với tổng số giờ đào tạo 672 giờ, tổ chức thi sát hạch cho 649 công nhân cạo mủ • Mức lương bình quân trả cho người lao động năm 2018 đối với gián tiếp là 13,97 triệu đồng/người/tháng; lao động trực tiếp bình quân là 7 triệu đồng/ng/tháng cao hơn so với mức thu nhập chung bình quân của người Lào. • CBCNV được tham gia đầy đủ các khoản BHXH, YT, BHCN

CÁC HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ:

Các bên liên quan	Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2018	Kết quả
Cộng đồng	• Hỗ trợ sinh kế; • Hỗ trợ nâng cao chất lượng hạ tầng và kinh tế - xã hội cho địa phương.	• Ưu tiên tuyển dụng người dân trong vùng dự án để tạo sinh kế ổn định và lâu dài cho người dân • Tại mỗi Nông trường đều có trạm y tế của Công ty để hỗ trợ sơ cứu ban đầu, tham gia cùng y tế địa phương phòng chống bệnh dịch • Hỗ trợ các công trình tôn giáo, đường, trường… cho các bản trong vùng dự án….	• rong năm 2018 Công ty đã hỗ trợ cộng đồng, chính quyền địa phương mua giường bệnh, hỗ trợ kinh phí tổ chức các lễ hội, hỗ trợ chi phí tết trồng cây, hỗ trợ cho địa phương trong sự cố vỡ đập thủy điện tại tỉnh Atappư, hỗ trợ chi phí làm đường, khoan giếng nước sạch, ..với số tiền 645 triệu đồng
Đối tác /nhà cung cấp	• Đối xử công bằng. Có chỉ tiêu đánh giá rõ ràng • Tôn trọng cam kết	• Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhà cung ứng, công khai minh bạch • Thực hiện đúng hợp đồng cam kết	• Các nhà cung ứng vẫn tiếp tục đồng hành cùng với công ty
Cơ quan quản lý	• Thực hiện đúng pháp luật trong sản xuất kinh doanh • Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế	• Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh đúng quy định của pháp luật	• Không bị xử phạt do vi phạm pháp luật • Thực hiện nộp ngân sách nhà nước 44,89 tỷ đồng

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HƯỚNG TỚI TIỆM CẬN VỚI CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

Các chỉ tiêu phát triển bền vững theo 17 tiêu chí của Liên Hiệp Quốc

Tiêu chí 1

Xóa nghèo: Chấm dứt nghèo nàn trong tất cả hình thức ở mọi nơi

Hành động của DRI

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án
- Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng,
- Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngắn ngày sang làm công nhân cao su.

Kết quả đạt được

- Năm 2018, số lượng lao động được tuyển dụng trong vùng dự án là 2.299 người (Người Lào
- Thu nhập bình quân của Công nhân cao su trong năm 2018 là 2,6 triệu kip/người/tháng tương đương 07 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 5,17 triệu kip/người/tháng tương đương 13,97 triệu đồng là cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào. Đời sống nhân dân trong vùng dự án cải thiện rõ rệt.

Tiêu chí 2

Xóa đói: Chấm dứt nạn đói, đạt được an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững

Hành động của DRI

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án
- Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng,
- Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngắn ngày sang làm công nhân cao su.

Kết quả đạt được

- Năm 2018, số lượng lao động được tuyển dụng trong vùng dự án là 2.299 người (Người Lào
- Thu nhập bình quân của Công nhân cao su trong năm 2018 là 2,6 triệu kip/người/tháng tương đương 07 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 5,17 triệu kip/người/tháng tương đương 13,97 triệu đồng là cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào. Đời sống nhân dân trong vùng dự án cải thiện rõ rệt.

Tiêu chí 3

Sức khỏe tốt, cuộc sống hạnh phúc: Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho mọi lứa tuổi

Hành động của DRI

- Từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- Thực hiện đóng các BH bắt buộc cho người lao động.
- Không sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, chế biến ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, người tiêu dùng

Kết quả đạt được

- Tất cả người lao động đều tham gia BHXH, bảo hiểm y tế;
- Năm 2018 Công ty mua BHCN cho toàn thể CBCNV có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên;
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động.
- Tất cả công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ
- Chỉ sử dụng những hóa chất trong sản xuất, chế biến được phép của nhà nước và phù hợp với quy định Quốc tế.
- Thí điểm việc đầu tư trạm thu mủ, giảm khối lượng chuyển mủ lên xe và giảm thời gian chờ của công nhân.

Tiêu chí 4

Giáo dục chất lượng: Đảm bảo giáo dục chất lượng toàn diện và công bằng, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người

Hành động của DRI

- Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý, … cho CBCNV, phối hợp tổ chức khóa học về phương pháp làm việc với cộng đồng cho 1 số bản trưởng.

Kết quả đạt được

- Trong năm 2018 Công ty tổ chức các khóa đào tạo về Quản trị công ty, kiến thức về quản lý môi trường, đất đai, kỹ năng làm việc với cộng đồng, đào tạo thợ cạo, kỹ thuật viên kiểm phẩm mủ cao su, đào tạo về đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015 với số lượng người được đào tạo là 330 người, số giờ đào tạo là 672 giờ. Tổ chức sát hạch tay nghề cho 649 công nhân.

Tiêu chí 5

Bình đẳng giới: Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái

Hành động của DRI

- Không phân biệt đối xử giữa lao động Nam và Nữ, giữa người lao động Việt Nam và lao động người Lào, không tuyển dụng và sử dụng lao động là trẻ em.

Kết quả đạt được

Tỷ lệ Nam, nữ tham gia HĐQT(khoản 01 điều 13- NĐ 71/2017-NĐ-CP ngày 06/06/2017)

- Nam: 05 người/07 chiếm 71,42%
- Nữ: 02 người/07 chiếm 28,58%

Tỷ lệ lao động Nam và Nữ năm 2018

- Nam: 1.540 người tương đương 59%
- Nữ: 1.070 người tương đương 41%.

Tiêu chí 6

Nước sạch và vệ sinh: Đảm bảo quản lý bền vững và cung cấp nước, điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người

Hành động của DRI

- Tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;
- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm;
- Nước thải từ chế biến được xử lý trước khi thải ra môi trường.
- Tái sử dụng nước trong chế biến.
- Tại khu vực làm việc đều xây dựng khu vệ sinh riêng đạt chuẩn;

Kết quả đạt được

- Trong năm 2018 ko bị các cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở hay xử phạt về xử lý nước thải
- Tái sử dụng 25% lượng nước trong chế biến ở dây chuyền mủ nước
- Văn phòng làm việc và các đơn vị đều sử dụng nước máy làm nước sinh hoạt, có khu vệ sinh riêng đạt chuẩn,
- Hỗ trợ cho một số bản trong vùng dự án khoang giếng nước sạch khi điều kiện nguồn cung cấp nước sinh hoạt không đảm bảo.
- Năm 2018 Công ty hỗ trợ khoan giếng nước sạch cho bản Nasay khan, hỗ trợ làm nhà vệ sinh cho Huyện Ba Chiêng, ..
- Cuối năm 2018, HĐQT cho chủ trương đầu tư cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến mủ của Daklaoruco và triển khai cấp chứng nhận ISO 14.001:2015 tại Daklaoruco trong năm 2019.

Tiêu chí 7

Năng lượng sạch và giá hợp lý: Đảm bảo tiếp cận năng lượng giá hợp lý, đáng tin cậy, bền bỉ và hiện đại cho tất cả mọi người

Hành động của DRI

- Tiết kiệm điện và sử dụng điện hiệu quả

Kết quả đạt được

Năm 2018 Cải tạo dây chuyền chế biến mủ và lò sấy, nâng công suất nhà máy và giảm chi phí điện năng, cụ thể như sau:

- Dây chuyền mủ nước sử dụng bình quân 115,36 kw/tấn sp so với định mức là 130 kw/tấn giảm được 11,26%
- Dây chuyền mủ phụ sử dụng bình quân 211,06 kw/tấn sản phẩm so với định mức là 240kw kw/tấn sản phẩm - giảm được 12 % so định mức và giảm được 10,34% so thực tế sử dụng năm 2017 (năm 2017 tiêu hao bình quân 235,4 kw /tấn sp)

Tiêu chí 8

Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững & toàn diện, liên tục, tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả, bền vững cho mọi người

Hành động của DRI

- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Phát triển kinh tế địa phương.
- Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Kết quả đạt được

- Tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động 7,09% thuộc nhóm thấp nhất ngành
- Năng suất vườn cây trung bình 2,16 tấn/ha thuộc nhóm cao nhất ngành;
- Tạo việc làm cho 2610 lao động trong đó 2.299 lao động là người Lào với thu nhập bình quân gián tiếp 13,97 triệu đồng/người/tháng, lao động trực tiếp 07 triệu đồng/người/tháng.
- Năm 2018 có 04 khiếu nại khách hàng và 02 nhắc nhở liên quan đến vỡ pallet, mủ bị bè, mốc do vận chuyển từ Lào về…tất cả các khiếu nại, nhắc nhở của khách hàng đều được công ty quan tâm lắng nghe, trao đổi với các bên liên quan để tìm giải pháp khắc phục hiệu quả nhất. Kết quả được khách hàng và đối tác chia sẻ trách nhiệm và cùng rút kinh nghiệm để ngày một tốt hơn sau khi cùng nhau trao đổi và phân tích nguyên nhân.

Tiêu chí 9

Công nghiệp, sáng tạo và hạ tầng: X ây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện, bền vững & khuyến khích đổi mới

Hành động của DRI

- Ứng dụng cộng nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý;
- Ứng dụng các công cụ quản lý tiến tiến vào sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Kết quả đạt được

- Năm 2018 DRI đầu tư thêm dự án trồng chuối và sầu riêng xen trong rừng cao su tại Xã CuKpo, Huyện Krong Buk - Đắk Lak - Việt Nam áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Isarel đã sử dụng hiệu quả nguồn nước và bón phân, tiết kiệm nhân công. Thu hoạch quả qua hệ thống ròng rọc để giảm lao động nặng nhọc, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Xây dựng hồ xục rửa đảm bảo tiêu chuẩn.
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý, phần mềm kế toán, phầm mềm quản lý cổ đông, …
- Công ty được công nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và phòng kiểm phẩm đạt chuẩn ISO/IEC 17025

Tiêu chí 10

Giảm bất bình đẳng: Giảm bất bình đẳng trong quốc gia và giữa các quốc gia

Hành động của DRI

- Không phân biệt đối xử;
- Tạo thu nhập ổn định đặc biệt là vùng nông thôn;
- Góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương.
- Tôn trọng quyền của người bản địa

Kết quả đạt được

- Tỷ lệ lao động giữa Nam và Nữ trong công ty không chênh lệch nhiều;
- Các vùng công ty trồng cây cao su đa số là vùng sâu, vùng xa, trước đây người dân chủ yếu sống phụ thuộc vào rừng và cây nông nghiệp ngắn ngày, tập quán canh tác lạc hậu, hiện nay thu nhập bình quân của công nhân trực tiếp là 2,6 triệu kip/người/tháng tương đương 07 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 5,17 triệu kip/ng/tháng tương đương 13,97 triệu đồng và cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào, ngoài ra đây là nguồn thu nhập ổn định vì vậy góp phần nâng cao đời sống nên đã góp phần giảm khoảng chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và thành thị
- Trong quá trình triển khai dự án Công ty luôn tôn trọng quyền của người bản địa, trước đây khi khai hoang Công ty luôn tránh phần rừng thiên, rừng cộng đồng của người dân địa phương, đa số người dân Lào theo đạo phật, công ty cũng hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình tâm linh như chùa, ..

Tiêu chí 11

Thành phố, cộng đồng bền vững: Làm cho thành phố và khu vực sinh sống của con người trở lên toàn diện, an toàn, linh động và bền vững

Hành động của DRI

- Phát triển nông thôn bền vững,
- Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn;
- Giảm tác động có hại của môi trường tới con người và vật nuôi, tăng cường quản lý chất lượng không khí và các nguồn chất thải khác

Kết quả đạt được

- Tạo sinh kế ổn định thông qua việc tuyển dụng lao động cho người dân trong vùng dự án;
- Từng bước cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015
- Vườn cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, cải thiện chất lượng không khí, Cty hướng tới đa dạng sinh học khi bắt đầu chu kỳ tái canh mới.

Tiêu chí 12

Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm: Đảm bảo các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

Hành động của DRI

- Hướng tới lựa chọn những nhà cung ứng có trách nhiệm;
- Nước thải nhà máy đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường
- Tái sử dụng nguyên vật liệu

Kết quả đạt được

- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015
- Vườn cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, cải thiện chất lượng không khí, Cty hướng tới đa dạng sinh học khi bắt đầu chu kỳ tái canh mới.
- Các nhóm nguyên vật liệu liên quan đến chế biến sản phẩm của công ty gồm nhóm các vật tư chế biến như dầu diezen, túi nilon PE, thảm, mạc PE; các vật tư hóa chất như acid Formic, Bisunfit, HNS, ammoniac, ..và điện nước dùng trong chế biến. Trong các nguyên vật liệu trên đối với loại vật liệu thảm PE công ty tái sử dụng được khoảng 20%, tái sử dụng nước khoảng 25% (dây chuyền mủ nước)

Tiêu chí 13

Hành động bảo vệ khí hậu: Hành động khẩn cấp để ứng phó biến đổi khí hậu và các tác động của nó

Hành động của DRI

- Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế

Kết quả đạt được

- DRI cùng với 02 đơn vị thuộc Tập đoàn cao su Việt Nam tham gia hướng dẫn tự nguyện về quản lý lý rừng cao su bền vững theo các chuẩn mực Quốc tế nhằm góp phần hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu với sự hỗ trợ của tổ chức NGOs: Trung tâm con người và thiên nhiên, tổ chức Oxfarm Việt Nam

- Phấn đấu đến năm 2022 được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.

Tiêu chí 14

Cuộc sống dưới nước: Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển

Hành động của DRI

- Quản lý tốt nước thải và sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, góp phần bảo vệ đại dương và tài nguyên biển

Kết quả đạt được

- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015

- Hạn chế và chỉ sử dụng các hóa chất trong sản xuất và chế biến đảm bảo các quy định của nước sở tại, phù hợp với các tiêu chuẩn Quốc tế;

Tiêu chí 15

Cuộc sống trên mặt đất: Bảo vệ các hệ sinh thái, quản lý bền vững rừng, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái đất và mất đa dạng sinh học

Hành động của DRI

- Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế

Kết quả đạt được

- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015

- Hạn chế và chỉ sử dụng các hóa chất trong sản xuất và chế biến đảm bảo các quy định của nước sở tại, phù hợp với các tiêu chuẩn Quốc tế;

Tiêu chí 16

Xã hội hòa bình: Thúc đẩy xã hội hòa bình, cung cấp quyền tiếp cận tư pháp cho tất cả mọi người, xây dựng thể chế hiệu quả, trách nhiệm và toàn diện ở tất cả các cấp

Hành động của DRI

- Chống phân biệt đối xử;
- Không sử dụng lao động trẻ em;
- Xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, đường dây nóng tại Công ty và các đơn vị trực thuộc
- Tham vấn cộng đồng về tác động của dự án của công ty, quan hệ mật thiết, trao đổi thông tin giữa Công ty và các bản trong vùng dự án

Kết quả đạt được

- Xây dựng quy chế về sử dụng lao động trong đó quy định rõ không tuyển dụng lao động trẻ em;
- Xây dựng quy chế xử lý khiếu nại, công khai đường dây nóng, thay đổi cách tiếp cận với người lao động và người dân bản địa về phổ biến các chính sách của Công ty.
- Tuân thủ các quy định của Pháp luật.
- Kết hợp với các tổ chức phi chính phủ (Trung tâm con người và thiên nhiên, tổ chức Oxfarm Việt Nam, hiệp hội cao su,..) tham vấn về các chính sách của công ty với cộng đồng từ đó đưa ra giải pháp khắc phục.

Tiêu chí 17

Quan hệ đối tác toàn cầu: Tăng cường các phương tiện thực hiện và tạo sức sống mới cho các đối tác toàn cầu để phát triển bền vững

Hành động của DRI

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức Phi chính phủ, Hiệp hội trong việc xây dựng doanh nghiệp theo hướng phát triển bền vững

Kết quả đạt được

- Tháng 07/2017 Công ty đã ký biên bản ghi nhớ với Hiệp hội cao su Việt Nam; Trung tâm con người và Thiên nhiên(NGO), tổ chức Oxfarm Việt Nam về việc tham gia hướng dẫn tự nguyện về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Phân tích Swot

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Vấn đề cần nhấn mạnh trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018

Giải trình của ban giám đốc với ý kiến kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá tình hình chung

Năm 2018 là một năm khó khăn với ngành cao su nói chung và Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nói riêng về cả giá bán và thời tiết. Do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, nhu cầu cao su thiên nhiên tăng trưởng thấp trong khi nguồn cung lại tăng nhanh, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc làm giá cao su thiên nhiên giảm liên tục. Bình quân giá bán cao su năm 2018 là 1.363,11 USD/tấn giảm 6% so với giá bán kế hoạch (giá bán kế hoạch là 1.450 USD/tấn). Tình tình thời tiết năm 2018 diễn biến thất thường, số ngày nghỉ mưa cao kỷ lục với số ngày phải nghỉ cạo là 65 ngày, từ đó dẫn đến việc khai thác mủ cao su không đạt chỉ tiêu như ĐHĐCĐ thường niên 2018 giao. Vì vậy các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều không đạt kế hoạch.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2018	% TH/KH 2018
1	Khai thác/ thu hoạch				
	+ Cao su	Tấn khô	18.139	18.500	98,05%
	+ Điều	Tấn khô	187,2	203	92,22%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	514	625	82,24%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48,55	113	42,96%
4	Tỷ lệ xuất khẩu/tổng lượng hàng bán	%	36,24	30	120%
5	Giá vốn hàng bán cao su	Triệu đồng/tấn	20,089	26,477	75,87%
6	Thu nhập bình quân				
	+ Gián tiếp	Tr đ/người/ tháng	16.798.344	11.000.000	152,71%
	+ Trực tiếp	Tr đ/người/ tháng	6.917.179	7.155.370	96,67%

Đánh giá tình hình quản lý nhân sự

Tỷ lệ lao động gián tiếp luôn duy trì ở mức không quá 7,5%, tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động năm 2018 là 7,09%. Đội ngũ CBCNV nòng cốt của Công ty chủ yếu là những người trẻ, năng động, có tay nghề và tâm huyết với công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo (HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc DRI và Daklaoruco) là những cán bộ lâu năm trong nghề, dày dặn kinh nghiệm. Hàng năm Công ty đều chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBCNV

Đánh giá tình hình quản lý chất lượng

- Về chất lượng sản phẩm: sản phẩm của công ty được kiểm nghiệm bởi hệ thống phòng kiểm nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, được quản lý bởi hệ thống quản lý được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015
- Khiếu nại khách hàng: trong năm có 04 khiếu nại và 02 nhắc nhở của khách hàng liên quan đến việc gãy vỡ pallet, hàng bị bè do vận chuyển từ Lào về cảng TP. HCM quá xa, hàng bị mốc, tuy nhiên Công ty đã kịp thời làm việc với khách hàng, đơn vị vận chuyển và lưu kho để tìm giải pháp xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng. Các bên liên quan đều thỏa mãn và chia sẻ với công ty về những thiệt hại liên quan đến trách nhiệm của mỗi bên.
- Đánh giá của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty: Do thương hiệu DRI/Daklaoruco hoàn toàn mới trên thị trường, nguồn gốc xuất xứ tại Lào hoàn toàn mới mẻ nhưng với sự nỗ lực của bộ phận kinh doanh DRI, sự lắng nghe và luôn chú trọng đến cải tiến chất lượng sản phẩm của Daklaoruco, làm tốt khâu hậu mãi, định giá sản phẩm, quan tâm đến nhu cầu của khách hàng nên các sản phẩm của Công ty đã thuyết phục được những khách hàng khó tính nhất như khách hàng Đức, Mỹ, Tây Ban Nha, Bỉ...Đây là những khách hàng mới do DRI nỗ lực tìm kiếm.
- Về giống và chất lượng vườn cây: Giống cao su mới cho năng suất và sản lượng cao, tỷ lệ ghép và tỷ lệ sống cao (>90%), vườn cây sinh trưởng phát triển tốt,...Đây chính là những yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của Công ty luôn cao, giảm được giá thành sản phẩm.

PHÂN TÍCH SWOT

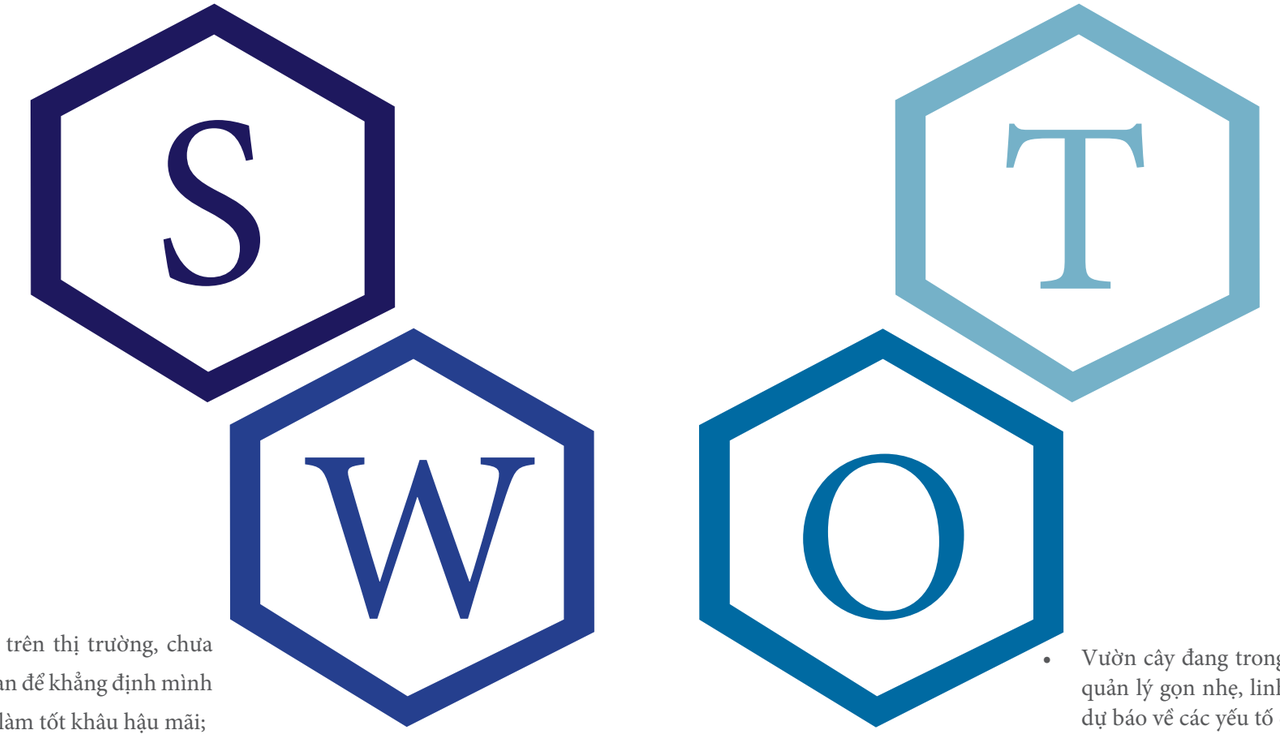

- Vườn cây thuộc nhóm kinh doanh tơ (từ 1-10 năm) với tuổi khai thác bình quân là 05 năm, 90% đã đi vào kinh doanh, tạo ra doanh thu và lợi nhuận, sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất bình quân thuộc nhóm cao nhất ngành cao su Việt Nam, năng suất bình quân của DRI năm 2017 là 2,37 tấn/ha, năm 2018 là 2,16 tấn/ha;
- Giá thành sản xuất đang thuộc nhóm thấp nhất ngành Cao su Việt Nam do quản trị tốt chi phí, năng suất cao nên lợi nhuận tạo ra trên 1 tấn cao su xét về giá trị tuyệt đối đang thuộc nhóm cao của ngành.
- Bộ máy quản lý tinh gọn với tỷ lệ gián tiếp/Tổng lao động không quá 7,5% (tỷ lệ gián tiếp năm 2018 là 7,09%) thuộc nhóm thấp nhất ngành;
- Chủ động tiếp cận và xây dựng công ty theo hướng PTBV đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan.

- Dakruco Là một thương hiệu còn rất mới trên thị trường, chưa được nhiều khách hàng biết đến, cần thời gian để khẳng định mình thông qua chất lượng sản phẩm ổn định và làm tốt khâu hậu mãi;
- Mặc dù tỷ lệ nợ ngắn hạn/tài sản ngắn hạn đã được cải thiện so với năm 2017 nhưng vẫn còn cao;
- Lực lượng lao động tại Lào tay nghề còn hạn chế hơn so với Việt Nam.
- Ảnh hưởng của chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế toàn cầu, tình hình cung cầu, địa chính trị; Sự tăng lãi suất của trái phiếu chính phủ mỹ, sự mạnh lên của đồng đô la Mỹ, yếu đi của đồng NDT, sự sụt giảm của thị trường chứng khoán đặc biệt là ở thị trường mới nổi... tác động xấu đến giá cao su từ đó cũng tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu của DRI;
- Ngành cao su cũng như những ngành nông nghiệp khác dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu.
- Lĩnh vực đầu tư mới tại Việt Nam, kinh nghiệm của cán bộ quản lý về tổ chức sản xuất và thị trường đầu ra của sản phẩm còn hạn chế.

- Nắm bắt xu hướng mới nổi trong ngành cao su về phát triển chuỗi cung ứng bền vững, DRI đã tiên phong cùng 02 đơn vị thuộc tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam tham gia hướng dẫn tự nguyện về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế;
- Ảnh hưởng của biến đổi khi hậu tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp nói chung và ngành cao su nói riêng;
- Lao động trong nông nghiệp ở VN và Lào phần lớn chưa được đào tạo bài bản, tính kỷ luật không cao là thách thức trong việc áp dụng những tiến bộ KHKT vào sản xuất đặc biệt là NN ứng dụng CNC;
- Những tiến bộ mới về công nghệ như xe tự lái, xe điện, trí thông minh nhân tạo, …tác động đến ngành cao su gây ra thách thức xen lẫn những cơ hội mới
- Công nghệ lốp xe lõi thép bền hơn, xu hướng PTBV, thân thiện với môi trường đã dịch chuyển xu hướng tiêu thụ dẫn đến áp lực phải chuyển đổi cơ cấu sản phẩm và thay thế công nghệ chế biến;
- Việc chuyển giao dịch trên sàn Hose sẽ là thách thức với công ty về các trách nhiệm ràng buộc với cổ đông và các cơ quan hữu quan, tuy nhiên cũng nâng cao tính minh bạch và thương hiệu của Công ty.

- Vườn cây đang trong xu hướng đi lên về sản lượng, sự quản trị tốt chi phí, bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt là điều kiện tốt cho việc quản trị giá thành, ứng phó với dự báo về các yếu tố có thể làm giá cao su chưa có sự tăng trưởng ổn định trong năm 2019;
- Việc chuyển sàn giao dịch từ UpCom sang Hose sẽ góp phần nâng cao vị thế của Công ty; Tạo điều kiện để nhiều nhà đầu tư biết đến Công ty hơn, tạo tính thanh khoản tốt hơn cho cổ phiếu DRI và là điều kiện tốt để Công ty có thể huy động thêm nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài;
- Là một trong 03 Công ty cao su tham gia hướng dẫn tự nguyện về PTBV, là bước đệm để nhanh chóng thực hiện mục tiêu tham gia chuỗi cung ứng cao su bền vững đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- Sự hỗ trợ tích cực trên nhiều phương diện của Chính quyền địa phương các Tỉnh Nam Lào nơi Công ty phát triển dự án trồng cao su; Sự hỗ trợ tích cực của Hiệp Hội cao su Việt Nam trong việc tiếp cận thông tin, hỗ về mặt chính sách, tiếp cận khách hàng, ..
- - Tình hình tài chính của Công ty ngày càng tốt hơn qua các năm, dòng tiền về ngày càng nhiều, lợi nhuận tích lũy qua các năm ngày càng lớn, là một cơ hội tốt để công ty thực hiện các dự án, các mục tiêu phát triển trung và dài hạn. Thực hiện chia cổ tức ổn định cho các đông để tạo niềm tin vững chắc của các nhà đầu tư vào Công ty;
- Dự án trồng chuối và sâu riêng tại Huyện Krong Buk đang tiến triển tốt góp phần tăng doanh thu năm 2019 và là tiền đề để DRI mở rộng phạm vi kinh doanh sang lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	83,720	149,180	154,647
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.334,066	1.338,164	1.303,977
Tổng tài sản	**Triệu đồng**	**1.417,786**	**1.487,345**	**1.458,625**

Hoạt động đặc thù trong ngành sản xuất cao su, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản DRI với gần 90%. Chất lượng tài sản DRI tương đối tốt, tài sản chính là vườn cây tuổi khai thác còn rất trẻ, bình quân 06 tuổi, năng suất đang trên đà tăng trưởng. Bên cạnh đó, những thiệt hại đầu tư từ những năm trước đã được xử lý hết trong năm 2017

Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	256,208	254,162	280,184
Nợ dài hạn	Triệu đồng	418,851	349,271	308,900
Tổng nợ phải trả	**Triệu đồng**	**675,059**	**603,434**	**589,085**
Vốn chủ sở hữu	**Triệu đồng**	**742,727**	**883,910**	**869,540**

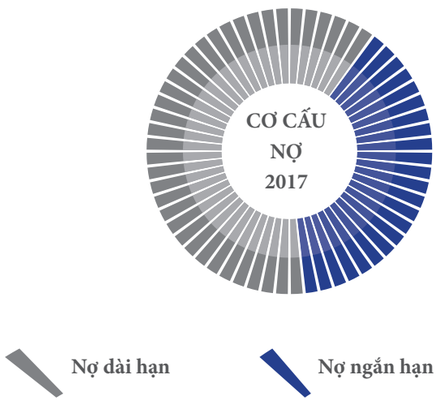

Tổng nợ phải trả tính đến thời điểm 31/12/2018 đã giảm 6,55% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sự suy giảm chủ yếu đến từ nợ dài hạn khi giảm mạnh hơn 40 tỷ đồng so với đầu năm, trong khi đó nợ ngắn hạn ít biến động do nhu cầu vốn lưu động của DRI tương đối ổn định.

Về cơ cấu nợ phải trả của DRI, Nợ dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn tương đương 52,44% tổng nợ. Trong cơ cấu nợ hiện tại của công ty, hầu hết là nợ vay ngân hàng, tuy nhiên được đảm bảo bằng tài sản là vườn cây đang tạo lợi nhuận cao. Hầu hết các khoản nợ vay ngân hàng của DRI hiện nay đều xuất phát từ chi nhánh ngân hàng Việt Nam tại Lào, cụ thể là Ngân hàng Việt Lào, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào, khi đó DRI phải chịu những ảnh hưởng đáng kể bởi sự biến động tỷ giá.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Về vườn cây

Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao ổn định thuộc nhóm đứng đầu ngành cao su Việt Nam với năng suất bình quân 2,16 tấn/ha, chất lượng sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường;

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Năng suất (tấn/ha)	2,02	2,37	2,16
Sản lượng (tấn)	15.614	18.482,79	18.139,25

Về cơ cấu tổ chức

Bộ máy quản lý gọn nhẹ, duy trì tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động trong nhiều năm liền không quá 7,5% trong khi bình quân lao động gián tiếp của ngành khoản 12%, đội ngũ cán bộ nhiệt huyết với công việc; năm 2018, tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động là 7,09%

DRI tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình, các chuẩn mực trong sản xuất và chế biến từ đó giúp cho công tác quản lý ngày càng hiệu quả. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Việc kiểm soát chất lượng phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; Giao quyền chủ động cho lãnh đạo các đơn vị để thực hiện một cách linh hoạt kịp thời các kế hoạch của Công ty mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao.

Về quảng bá thương hiệu

Tham gia các hội trợ triển lãm, các hội nghị khách hàng do Hiệp hội cao su tổ chức, thông qua các tham tán thương mại để quảng bá sản phẩm của Công ty ra nước ngoài.

Thực hiện công bố thông tin minh bạch, thực hiện tốt các nghĩa vụ nằm trong các giá trị cốt lõi của Công ty đó là Tính trách nhiệm,

Về chiến lược phát triển sản

Hiện nay công ty đang sản xuất 03 sản phẩm chủ lực là SVR3L, SVR10, và SVRCV60 đáp ứng được thị hiếu khách hàng. Trong tương lai, Công ty đẩy mạnh việc tiếp thị và sản xuất sản phẩm SVR CV60 có biên lợi nhuận cao hơn, tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, nhu cầu khách hàng nhiều hơn như mủ tờ RSS, SVR10 theo công nghệ mới.

Tập trung cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và sản xuất những sản phẩm có chất lượng ổn định để cung cấp cho khách hàng.

Phát triển thêm các sản phẩm nông nghiệp mới, trước mắt là chuối xuất khẩu có trong năm 2019 và các loại trái cây như sầu riêng, mít khi đưa vào khai thác trên diện tích trồng tại Việt Nam; nghiên cứu và chuyển đổi diện tích vườn điều ít hiệu quả, sang một số cây trồng khác tại Lào

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

- Tổ chức khai thác 18.000 tấn cao su, 203 tấn điều tươi và 4950 tấn chuối;
- Giá thành cao su (trước thuế): 1.140 USD/tấn tương đương 26,4 triệu đồng/tấn; Tỷ lệ xuất khẩu 35%/tổng lượng hàng bán;
- Doanh thu 589,389 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế 48,89 tỷ đồng (*với giá bán cao su bình quân dự kiến 28,7 triệu đồng/tấn, giá bán chuối bình quân 5.200 VNĐ/kg*);
- Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 dự án trồng chuối và các cây ăn quả khác tại xã CưKpô, huyện Krông-buk, Đắk Lắk;
- Tiếp tục lộ trình xây dựng công ty theo hướng Phát triển bền vững.

Căn cứ hoàn thành kế hoạch

- Thường xuyên theo dõi tình hình khai thác tại các đơn vị để có sự chỉ đạo kịp thời, kiểm soát việc chăm sóc và khai thác vườn cây đúng quy trình kỹ thuật. Tổ chức tuyển dụng, đào tạo, bố trí thợ cạo, đảm bảo cạo hết cây hết phần, giảm mức thấp nhất tỷ lệ vắng cạo, kiểm soát và nâng cao tay nghề công nhân khai thác, phấn đấu tỷ lệ thợ cạo trung bình dưới 5%; Tập trung mọi nguồn lực, giải pháp phấn đấu tổ chức khai thác vượt từ 3% trở lên trên tổng số kế hoạch sản lượng được giao;
- Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm giảm giá thành sản xuất đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận;
- Mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng nâng tỷ lệ xuất khẩu từ mức 35% trở lên trên tổng lượng hàng xuất bán và phấn đấu đạt 40%;
- Tiếp tục mở rộng dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chỉ đạo của HĐQT, trên cơ sở đánh giá hiệu quả từng dự án; tổ chức bộ máy quản lý dự án mới tinh gọn, hiệu quả, chú trọng tiết giảm chi phí đầu tư một cách hợp lý, nhằm giảm suất đầu tư, nâng cao hiệu quả của dự án ngay từ đầu.
- Tuân thủ các quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001 hiện hành về Hệ thống quản lý và ISO/IEC 17025 trong kiểm tra chất lượng sản phẩm.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 8.5 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Số dư Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 125.906.573.363 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 129.214.710.697 VND). Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, cổ đông chiến lược của Công ty mẹ sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Nợ ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản vay vốn lưu động và một phần nợ vay dài hạn đến hạn trả trong năm. Tất cả các khoản vay này đều có khả năng thanh toán cả gốc và lãi, đều có tài sản đảm bảo đầy đủ và tài sản được đảm bảo có khả năng sinh lợi tốt.
- Với đặc thù ngành cao su có thời gian đầu tư dài, chi phí đầu tư lớn, 90% diện tích vườn cây đã đưa vào kinh doanh không còn đầu tư nhiều, từ năm 2017 đến nay Công ty đã có lợi nhuận, vườn cây sung sức đang trong kỳ đi lên của sản lượng vì vậy hàng năm công ty sẽ cân đối tài chính nhằm giảm dần tỷ lệ nợ ngắn hạn qua các năm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình cao su thế giới

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình cao su trong nước

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU THẾ GIỚI

Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), năm 2018, sản lượng cao su tự nhiên thế giới đạt hơn 14 triệu tấn tương đương tăng 5,2% và nhu cầu tăng 5,7% lên 14,1 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2017. 90% nguồn cung cao su tự nhiên của thế giới được sản xuất bởi các quốc gia trong Hiệp Hội, hiện Trung Quốc vẫn đang là nước tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới.

Theo Cục Xuất nhập khẩu dự báo, trong ngắn hạn, giá cao su trên thị trường sẽ tiếp tục ở mức thấp do căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc chưa được giải quyết và các số liệu cho thấy kinh tế Trung Quốc sẽ tăng trưởng chậm lại. Bên cạnh đó, mưa lớn bất thường và lũ lụt ở một số nước sản xuất cao su sẽ gây ảnh hưởng đến sản lượng cao su của thế giới. Trong dài hạn, khi các yếu tố tâm lý trở nên rõ ràng hơn, giá cao su có khả năng sẽ tăng trở lại nhờ sự hỗ trợ của các yếu tố cơ bản trên thị trường. Nhưng khả năng giá tăng mạnh là khó xảy ra do sản lượng cao su thế giới vẫn tiếp tục tăng do việc mở rộng diện tích quá lớn trước đây. Tuy nhiên, theo dự báo của tổ chức LMC và Fredonia, nhu cầu lốp xe thế giới sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ bình quân khoảng 3 - 4%/năm trong giai đoạn 2018 – 2020. Động lực tăng trưởng cho ngành săm lốp thế giới trong những năm tới đến từ các thị trường đang phát triển như châu Á –Thái Bình Dương và đặc biệt là Trung Quốc, điều này cũng là một dấu hiệu đáng mừng cho toàn ngành cao su nói chung cũng như thị trường cao su tại Việt Nam nói riêng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU TRONG NƯỚC

Theo thống kê, Việt Nam là quốc gia đứng thứ 3 thế giới về sản xuất cao su thiên nhiên. Tuy nhiên trong năm 2018 qua, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc kéo dài khiến cho ngành cao su Việt Nam cũng bị tác động, bởi mặt hàng lốp xe ô tô nằm trong danh sách các mặt hàng chịu thuế bổ sung của Mỹ. Điều này đòi hỏi ngành cao su đang trên sân chơi hội nhập phải có sự thay đổi trong cả suy nghĩ và hành động, tìm những ngã rẽ nhằm đáp ứng với các yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xuất khẩu cao su 9 tháng năm 2018 đạt 1,06 triệu tấn với giá trị 1,45 tỷ USD, tăng 19,9% về khối lượng nhưng giảm 10% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ cao su thiên nhiên lớn nhất của Việt Nam với trên 60% tổng lượng cao su thiên nhiên xuất khẩu của Việt Nam, tỷ trọng này vượt xa so với tỷ trọng từ các thị trường tiêu thụ khác, đặc biệt, lượng và kim ngạch xuất khẩu cao su tự nhiên của Việt Nam vào thị trường này đang trong xu hướng tăng. Có thể thấy, sự phát triển của ngành cao su Việt Nam cho đến nay chịu tác động rất lớn từ thị trường xuất khẩu là Trung Quốc..

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG CAO SU TRONG NƯỚC

Trước tình trạng giá cao su liên tục giảm trong nhiều năm qua, các cơ quan quản lý và Hiệp hội Cao su Việt Nam đã khuyến cáo các nhóm tham gia khâu sản xuất hạn chế mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, điều này chỉ có tác dụng với khối doanh nghiệp, với loại hình cao su đại điền. Với nguồn cung từ tiểu điền hiện nay chiếm trên 60% trong tổng lượng cung cao su thiên nhiên của cả nước và thích ứng về cung – cầu thì thị trường của nhóm cao su tiểu điền còn chậm, đồng thời sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn.

Tóm lại, ngành và các doanh nghiệp cao su Việt Nam nói chung hay DRI nói riêng, cần có chiến lược cụ thể, nhằm quản lý rủi ro, bao gồm cả rủi ro về thị trường và tính pháp lý của sản phẩm, cùng với đó là có những bước đi chuyển dịch hiệu quả để tái cơ cấu chuỗi cung, chuyển từ xuất khẩu các sản phẩm thô sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và quan tâm phát triển thị trường nội địa. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cao su cũng cần chủ động tìm kiếm đối tác mới để tránh phụ thuộc vào thị trường truyền thống trong thời kỷ ngành cao su thiên nhiên còn nhiều khó khăn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018 nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam có nhiều khởi sắc tuy nhiên đối với ngành cao su vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn do nguồn cung đang lớn hơn cầu, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, chính sách tiền tệ, địa chính trị,...., đã làm giá cao su thiên nhiên liên tục giảm so với thời điểm đầu năm. Mặc dù đã có những nỗ lực rất nhiều, tuy nhiên các chỉ tiêu chính của Công ty đều không đạt mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao, cụ thể sản lượng khai thác đạt 98,04% kế hoạch, Tổng doanh thu được 514,16 tỷ đồng/625 tỷ đồng đạt 82,26 % KH; Lợi nhuận sau thuế HN: 48,54 tỷ đồng/113 tỷ đạt 42,95%KH;

Bên cạnh những bất lợi như trên Công ty cũng có những thành tích đáng kể đó là mặc dù với thương hiệu rất mới nhưng với những nỗ lực công ty đã tìm kiếm và bán được cho những khách hàng khó tính nhất như Đức, Bỉ, Mỹ, Tây Ban Nha, …đưa tỷ lệ xuất khẩu từ 9,52%/tổng hàng tiêu thụ năm 2017 lên 36,24% đạt 120% KH năm 2018;

Về Tài chính Công ty đã thực hiện trả bớt nợ dài hạn hơn 40 tỷ đồng. Quan tâm chăm lo đời sống người lao động, thu nhập của người lao động được cải thiện với mức bình quân 16,79 triệu đồng/người/tháng tăng 12% so với năm 2017. Nguồn vốn của cổ đông được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả. Công ty thực hiện tốt các chính sách về môi trường theo quy định của pháp luật nước sở tại, đóng đầy đủ các khoản thuế theo quy định của chính phủ Việt Nam và Lào đồng thời hỗ trợ các địa phương nơi công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong khám chữa bệnh cho người dân, làm đường sá, cầu cống trên địa bàn; góp phần giữ vững an ninh trật tự.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ công ty; Đã điều hành công ty thực hiện các chỉ tiêu chính, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ, HĐQT giao; thường xuyên xin ý kiến HĐQT về mặt chủ trương đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tham mưu cho HĐQT những giải pháp góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ đạo sát sao Ban điều hành nhằm tổ chức sản xuất thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty.
Quan tâm nâng cao chất lượng, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, chú trọng khâu hậu mãi;
Tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu, quảng bá sản phẩm từng bước khẳng định thương hiệu sản phẩm của DRI trên thương trường, nâng tỷ lệ xuất khẩu ít nhất bằng 35% tổng số sản phẩm tiêu thụ;

Đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Tiếp tục hợp tác với Trung tâm con người và thiên nhiên, Oxfarm Việt Nam và các tổ chức khác triển khai lộ trình xây dựng công ty theo hướng PTBV như kế hoạch để ra.
Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ UpCom sang Hose ngay khi đủ điều kiện.
Mở rộng dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đăk Lăk;

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Phấn đấu đến sau năm 2022 đủ điều kiện để được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế , đây là điều kiện để sản phẩm của Công ty có chỗ đứng ổn định tại những thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị mở rộng thị trường, khách hàng, từng bước xây dựng thương hiệu DRI có uy tín trên thị trường thế giới;
- Nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như sản phẩm CV, RSS;
- Mở rộng thêm các dự án đầu tư trên các lãnh vực mà công ty có lợi thế tại Việt Nam kể từ năm 2018;
- Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý;
- Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho các cổ đông;

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mủ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI-Daklaoruco trở thành thương hiệu được nhiều thị trường trên thế giới biết đến.
- Duy trì bộ máy quản lý gọn nhẹ tại công ty mẹ và công ty con Daklaoruco, làm tốt công tác quản lý, quản trị tốt giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.
- Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động.
- Xây dựng lộ trình, kế hoạch để đến sau năm 2022 đủ điều kiện được cấp chứng nhận rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng quốc tế, theo dõi giám sát việc triển khai kế hoạch.
- Phát triển thêm dự án mới, đầu tư vào các lĩnh vực mà công ty có ưu thế, trước mắt đầu tư mở rộng quy mô trồng chuối xen cây ăn quả tại xã Cư Kpô, huyện Krông Buk, tỉnh Đăk Lăk.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BĐH,BKS
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các buổi họp của Hội đồng quản trị

Trong năm HĐQT tổ chức họp 8 cuộc và lấy ý kiến bằng văn bản 03 cuộc, tổng cộng là 11 cuộc họp, thống kế số buổi họp của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thành viên độc lập/ Điều hành	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	Không điều hành	11/11	100%
02	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	Độc lập	11/11	100%
03	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT, Tổng giám đốc DRI	Điều hành	11/11	100%
04	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT	Độc lập	10/11	90,9%
05	Nguyễn Huy Hùng	TV.HĐQT	Độc lập	9/11	81,81%
06	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGĐ DRI, Người CBTT	Điều hành	11/11	100%
07	Nguyễn Minh	TV.HĐQT	Độc lập	10/11	90,9%

Các hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản 02 lần để thống nhất nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các dự án trọng điểm.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/ NQ-HĐQT	04/01/2018	1. Thông qua kế hoạch tài chính năm 2.018: giá thành 1.160 USD/ Tấn; sản lượng 18.500 tấn, giá bán 1450 USD/tấn, cổ tức 7%. 2. Thống nhất thanh lý 97,68 ha cao su để tái canh trong năm 2018, thống nhất xử lý thiệt hại đầu tư do thanh lý 97,68 ha cao su nói trên với giá trị 4.297.343.235 kip (# 11.387.959.572 VNĐ) vào kết quả kinh doanh năm 2018. 3. Thông qua công thức bán hàng năm 2018 cho công ty con. 4. Thông qua dự án đầu tư tại Việt Nam: thống nhất thuê 226,15 ha cao su của Dakruco để trồng xen chuối tại NT Cưkpô (năm 2018: 77,73 ha; năm 2019: 148,42 ha)Giao Ban điều hành sửa lại Quy chế nội bộ trong đó phân cấp rõ ràng thẩm quyền ký các loại HĐ kinh tế và HĐLĐ.
2	Nghị quyết số 02/ NQ-HĐQT	07/2/2018	1.Thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH 2TV về đầu tư trồng chuối và cây ăn quả tại Cukpô- Huyện Krông Buk-Đắk Lắk vốn điều lệ 20 tỷ trong đó công ty DRI góp 75%, Công ty TNHH XNK và Nông nghiệp CNC Bình Dương góp 25%. Cử ông Lê Thanh Cần, TGĐ công ty DRI làm người đại diện phần vốn góp của DRI và là người đại diện theo pháp luật của công ty mới thành lập. 2. Đồng ý chủ trương số lượng đăng ký mua cổ phần Cty cà phê Thuận An là 1,5 triệu cổ phần/tổng số cổ phần phát hành là 2,893 triệu cổ phần chiếm tỷ lệ 51,85%. Giao cho TGĐ DRI tùy số lượng nhà đầu tư đăng ký mua mà quyết định giá đấu trong vùng giá từ mức 10.000 đồng/cp đến mức cao nhất 12.200 đồng/cp. 3. Thống nhất chuyển hợp đồng tín dung cho Lào vay tiền vốn điều lệ của DRI từ ngắn hạn sang dài hạn 2 năm. 4. Thống nhất tiền thưởng năm 2017 cho HĐQT và BKS được thực hiện khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua.
3	Nghị quyết số 03/ NQ-HĐQT	23/02/2018	1. Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là ngày 19/03/2018. 2. Giao Ban điều hành hoàn tất hồ sơ tài liệu và các điều kiện cần thiết để tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 theo đúng quy định của pháp luật

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
4	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	27/02/2018	1. Thống nhất cho phép công ty DRI mua lô đất biệt thự tại khu metro, tổng giá trị mua đất và xây dựng văn phòng khoảng 10 tỷ đồng. 2. Thống nhất cho phép công ty DRI mua xe bán tải đã qua sử dụng với giá trị khoảng 250 triệu đồng để phục vụ dự án trồng chuối và cây ăn quả khác tại Nông trường Cưkpô. Chi phí hạch toán cho Công ty TNHH 2thành viên khi công ty này hoàn tất các thủ tục thành lập và góp vốn.
5	Nghị quyết số 06/ NQ-HĐQT	14/03/2018	1. Thống nhất quy mô và dự án trồng chuối, cây sầu riêng trên diện tích thuê đất trồng xen với cây cao su là 226,15 ha, quy đổng đặc là 124,38 ha, trong đó trồng năm 2018 là 42,75 ha, trồng năm 2019 là 81,63 ha. Tổng vốn đầu tư là 45 tỷ đồng lấy từ nguồn vốn điều lệ của công ty. 2. Thông qua chương trình, tài liệu, các nội dung trình ĐHĐCĐ thông qua về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, chọn công ty kiểm toán, thù lao HĐQT & BKS, chuẩn bị cho ĐHĐCĐ TN 2018. 3. Thông qua công tác nhân sự tại Daklaoruco, điều động ông Lê Thanh Cần về DRI không kiêm nhiệm giám đốc Daklaoruco; bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hạnh làm Giám đốc Daklaoruco.
6	Nghị quyết số 08/ NQ-HĐQT	15/05/2018	1. Thống nhất cho Daklaoruco bổ sung kế hoạch tài chính năm 2018 để mua xe vận chuyển mủ, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động cho kho chứa mủ thành phẩm và 02 lò sấy; 2. Thống nhất cho DRI tìm kiếm và mua đất xây dựng văn phòng tại đường Cao Thắng, TP BMT với diện tích 300m^2, giá 5,144 tỷ chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân và trước bạ do bên mua chịu. 3. Bổ nhiệm lại Chủ tịch Daklaoruco, người đại diện pháp luật và là người đại diện phần vốn của DRI tại Daklaoruco từ 27/04/2018 đến khi có văn bản thay thế. 4. Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Hạnh làm giám đốc Daklaoruco từ ngày 01/05/2018 thay cho ông Lê Thanh Cần. 5. Chỉ đạo các nội dung về sản xuất – kinh doanh: thủ tục đấu thầu các công trình xây dựng cơ bản, cung ứng vật tư dịch vụ của các công ty con, công ty liên kết phải đúng quy định của pháp luật nước sở tại và pháp luật Việt Nam; quản lý giá thành sản phẩm tại Daklaoruco, nâng cao chất lượng sản phẩm, tỷ lệ xuất khẩu đạt từ 30% tổng sản lượng mủ trở lên.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
6	Nghị quyết số 08/ NQ-HĐQT	15/05/2018	. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung , biên soạn mới các quy chế Tài chính, quy chế biểu quyết và bầu cử tại ĐHĐCĐ, quy chế công bố thông tin. 7. Thống nhất việc trích lập và sử dụng các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ; thông qua việc Daklaoruco chuyển tiền về DRI; thông qua tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2017. 8. Triển khai thông báo hướng dẫn thực hiện các nội dung về công tác nhân sự theo điều lệ, quy chế quản trị công ty. 9. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
7	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	19/6/2018	1. Thống nhất bổ sung chi phí dịch vụ là 51.044 USD để làm thủ tục cao su liên kết tại công ty Daklaoruco. 2. Thống nhất bổ sung chi phí là 383 triệu kip để lắp đặt hệ thống điện tại Nông trường 04 Daklaoruco.
8	Nghị quyết số 10/ NQ-HĐQT	11/7/2018	1. Chỉ đạo kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2018: Daklaoruco giảm giá thành sản phẩm, DRI mở rộng thị trường đẩy mạnh xuất khẩu đạt 30% tổng lượng hàng xuất bán; đầu tư XDCB tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI tuân thủ đúng quy định pháp luật. 2. Thống nhất điều chỉnh lại việc trích lập các quỹ trên khoản lợi nhuận sau thuế hợp nhất sau khi xử lý hồi tố thuế. Điều chỉnh lại Quyết toán báo cáo tài chính 2017 phù hợp với hồi tố thuế và xin ý kiến cổ đông bằng phiếu để điều chỉnh lại phân bổ lợi nhuận sau thuế của năm 2017. 3. Thống nhất bổ sung chi phí khoảng 500 triệu kíp để sửa chữa lớn nhà ở tập thể cho CBCNV Daklaoruco; bổ sung chi phí kiểm toán; thống nhất bảo lãnh cho Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI vay 10 tỷ đồng trong năm 2018. 4. Thống nhất xây dựng công ty theo hướng phát triển bền vững từng bước phù hợp với các mục tiêu PTBV của Liên Hiệp Quốc. 5. Thay đổi kế hoạch PR theo hướng giảm bài báo giấy, tăng số bài viết trên báo điện tử nhưng kinh phí không thay đổi. 6. Giao cho DRI phối hợp với Daklaoruco xây dựng kế hoạch kỷ niệm 15 năm thành lập Daklaoruco

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
9	Nghị quyết số 13/ NQ-HĐQT	26/10/2018	1. Chỉ đạo nâng cao năng lực pháp lý tại Daklaoruco, DRI: tuyển dụng nhân sự để đảm nhiệm hệ thống văn bản pháp luật tại Lào và nhân sự thực hiện hệ thống kế toán Lào từ năm 2019; hết năm 2019 DRI và Daklaoruco tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế để năm 2020 thuê Công ty kiểm toán quốc tế kiểm toán BCTC của DRI. 2. Thống nhất lộ trình xây dựng công ty theo hướng phát triển bền vững, Daklaoruco xây dựng hệ thống môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, DRI lên kế hoạch thực hiện để đạt chứng nhận của IRSG sau đó tiến tới chuẩn cao hơn là FSC. 3. Thống nhất các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm, phấn đấu đạt sản lượng và giá thành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. 4. Thống nhất chủ trương xây dựng trụ sở cơ quan của DRI, phân bổ kinh phí trong 02 năm 2019-2020
10	Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	22/11/2018	Thống nhất tiếp tục mua bảo hiểm vườn cây cao su tại Lào với mức phí phải đóng thấp hơn hoặc bằng năm 2018.
11	Nghị quyết số 15/ NQ-HĐQT	28/12/2018	1. Thống nhất một số chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính năm 2019 của DRI và Cty TNHH Nông nghiệp CNC DRI 2. Thống nhất dự toán xây dựng nhà làm việc DRI. 3. Thống nhất tham gia sáng kiến tự nguyện về phát triển cao su bền vững IRSG. 4. Điều chỉnh bổ sung một số điều trong Quy chế tài chính DRI

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Họ & tên	Chức vụ	Tham gia đào tạo về Quản trị công ty	Được cấp Chứng chỉ	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Tượng	CT.HĐQT	x	x	
2	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	x	x	
3	Nguyễn Kim Hoa	TV.HĐQT	x	x	
4	Nguyễn Huy Hùng	TV.HĐQT			Đã đăng ký học
5	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT TGĐ DRI	x	x	
6	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT PTGĐ DRI Người CBTT	x	x	
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT			Đã đăng ký học

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các buổi họp của Ban Kiểm Soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Công việc	Số buổi họp	Tỷ lệ
01	Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	Chuyên trách	6/6	100%
02	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	Chuyên trách	6/6	100%
03	Ông Âu Quí Vinh	Thành viên	Chuyên trách	6/6	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, và các quy định của Pháp luật trong việc thực hiện công tác kiểm soát tại công ty cụ thể:

- Kiểm soát công tác quản lý chỉ đạo điều hành của HĐQT, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương chỉ đạo SXKD thược phạm vi thẩm quyền của HĐQT về SXKD cao su và về triển khai đầu tư dự án chuối.
- Kiểm soát quá trình điều hành của Ban TGĐ công ty công ty con trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Kiểm soát công tác tài chính, công tác quản trị chi phí, tiến độ thực hiện kế hoạch tài chính, Kiểm tra kiểm soát công tác kế toán.
- Kiểm soát công tác mua hàng bán hàng, mua sắm TSCĐ, sữa chữa lớn thực hiện tại Công ty con tại Lào.
- Soát xét các các rủi ro chính sách thuế và các quy định pháp luật liên quan đến công tác kế toán Lào kiến nghị từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý và bộ máy để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.
- Giám sát nợ vay, sử dụng vốn vay vay và an toàn tài chính.
- Làm việc với kiểm toán độc lập về các nội dung liên quan đến quyết toán tài chính 06 tháng và kết thúc năm.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐVT: VNĐ/năm

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền Lương	Thưởng
I.	**Hội đồng quản trị**		**656,756,756**	-	**252,212,179**
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	121,621,622		50,923,379
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	105,405,405		44,133,595
3	Ông Lê Thanh Cần	TV HĐQT kiêm TGĐ	81,081,081		24,047,151
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT	81,081,081		33,948,919
5	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT	81,081,081		24,047,151
6	Bà Nguyễn Thị Hải	TV HĐQT kiêm P.TGĐ	105,405,405		41,163,065
7	Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành viên HĐQT	81,081,081		33,948,919
II.	**Ban kiểm soát**		**186,486,487**	-	**73,131,631**
1	Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	105,405,405		44,133,595
2	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	40,540,541		16,974,460
3	Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	40,540,541		12,023,576
III.	**Ban điều hành**		-	**520,138,652**	-
1	Ông Lê Thanh Cần	TV HĐQT kiêm TGĐ		166,229,137	
2	Bà Nguyễn Thị Hải	TV HĐQT kiêm P.TGĐ		187,500,763	
3	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng		166,408,752	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng giảm(mua, bán, chuyển đổi)
1	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGĐ, người CBTT	486.497	350.000	Thu xếp tài chính cá nhân
2	Nguễn Huy Hùng	TV. HĐQT	82.470	0	Chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Minh Thuận
3	Nguyễn Thị Minh Thuận	Vợ Nguyễn Huy Hùng	349.222	431.692	Tăng tỷ lệ sỡ hữu
4	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	0	100.000	Tăng tỷ lệ sỡ hữu
5	Lê Thanh Cần	TGĐ kiêm TV HĐQT	0	99.100	Tăng tỷ lệ sỡ hữu

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan như sau:

Nội dung	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ)		
Trả gốc vay	0	49.145.724.998
Lãi tiền vay đã trả	0	7.237.520.713
Lãi vay phát sinh	0	1.556.964.712
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)		
Thu tiền gốc vay	12.793.637.200	65.204.671.572
Thu tiền lãi vay	2.768.347.055	11.010.733.661
Các khoản chi hộ, cho mượn	4.114.373.518	1.596.909.533
Doanh thu bán hàng	4.496.895.135	2.827.776.000
Mua cao su thành phẩm	225.955.622.798	0
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI (Công ty con)	15.000.000.000	

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Nội dung	Từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ)		
Góp vốn thành lập (75% vốn điều lệ)	**15.000.000.000**	0

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Nội dung	31/12/2018	01/01/2017
Phải thu Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)	**157.521.268.809**	**165.763.671.054**
Phải thu cho vay	**154.127.966.983**	**163.723.183.199**
Các khoản chi hộ, lãi vay	3.393.301.826	2.040.487.855
Phải trả Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)	9.485.601.216	
Phải trả tiền mua hàng	9.485.601.216	**0**
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI (Công ty con)	**15.000.000.000**	
Góp vốn thành lập (75% vốn điều lệ)	15.000.000.000	**0**

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ), Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI (công ty con) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
Cộng	**732.000.000.000**	**100,00**

Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : (84-0262) 3867676
Fax : (84-0262) 3865303
E-mail : dri@dakruco.com
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Chămpasăk, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	6001605111 ngày 01 tháng 3 năm 2018	75%

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015	-
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ), Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI (công ty con) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
Cộng	**732.000.000.000**	**100,00**

Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : (84-0262) 3867676
Fax : (84-0262) 3865303
E-mail : dri@dakruco.com
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Chămpasăk, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	6001605111 ngày 01 tháng 3 năm 2018	75%

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015	-
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Nguyễn Huy Hùng	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-
Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Cần	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017	-
Ông Nguyễn Minh	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	24 tháng 10 năm 2012	-
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2013	-
Ông Âu Quý Vinh	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thanh Cần	Tổng Giám đốc	16 tháng 9 năm 2017	-
Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013	-

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Viết Tượng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG
Chủ tịch

Đắk Lắk, ngày 18 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	12/31/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**154,647,758,059**	**149,180,858,584**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**47,574,082,039**	**93,068,388,254**
Tiền	111		14,574,082,039	60,068,388,254
Các khoản tương đương tiền	112		33,000,000,000	33,000,000,000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**-**
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**21,941,459,454**	**7,241,773,261**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	15,984,378,185	420,000,000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4,545,810,857	5,231,942,024
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1,411,270,412	1,589,831,237
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	**140**		**81,123,181,997**	**48,408,333,031**
Hàng tồn kho	141	5.5	81,123,181,997	48,408,333,031
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**4,009,034,569**	**462,364,038**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4,009,034,569	462,364,038
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	12/31/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1,303,977,951,691**	**1,338,164,317,560**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	**220**		**1,186,820,197,630**	**1,140,411,397,179**
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1,181,148,172,871	1,139,948,013,387
Nguyên giá	222		1,528,931,317,404	1,429,262,566,674
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(347,783,144,533)	(289,314,553,287)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5,672,024,759	463,383,792
Nguyên giá	228		6,262,340,329	994,709,742
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(590,315,570)	(531,325,950)
Bất động sản đầu tư	**230**		**-**	**-**
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**88,298,123,431**	**181,036,500,478**
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		3,457,044,697	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	84,841,078,734	181,036,500,478
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**3,000,000,000**	**-**
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,000,000,000	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	**260**		**25,859,630,630**	**16,716,419,903**
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	25,859,630,630	16,716,419,903
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**1,458,625,709,750**	**1,487,345,176,144**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	12/31/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**589,085,521,323**	**627,667,524,911**
Nợ ngắn hạn	**310**		**280,184,564,021**	**278,395,569,281**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	3,652,518,278	805,298,005
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	6,699,813,120	1,994,697,182
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	6,014,877,819	26,118,841,942
Phải trả người lao động	314	5.13	36,634,925,133	31,831,062,501
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1,548,938,089	11,918,637,912
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		790,976,917	785,050,486
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	220,003,233,232	204,891,927,848
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.16	4,839,281,433	50,053,405
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	**330**		**308,900,957,302**	**349,271,955,630**
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	308,900,957,302	349,271,955,630
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	12/31/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**869,540,188,427**	**859,677,651,233**
Vốn chủ sở hữu	**410**	5.17	**869,540,188,427**	**859,677,651,233**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		732,000,000,000	732,000,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732,000,000,000	732,000,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.17	70,553,983,575	70,713,005,706
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.17	12,027,736,484	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.17	50,267,294,697	56,964,645,527
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14,441,448,287	(3,137,305,226)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		35,825,846,410	60,101,950,753
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4,691,173,671	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**-**	**-**
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**1,458,625,709,750**	**1,487,345,176,144**
			-	-

LÊ THANH CƯỜNG
Người lập biểu

LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT
Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	6.1	**514,161,469,691**	**582,546,836,344**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		129,964,301	244,759,049
Doanh thu thuần	**10**	6.1	**514,031,505,390**	**582,302,077,295**
Giá vốn hàng bán	**11**	6.2	**337,441,258,129**	**323,317,003,738**
Lợi nhuận gộp	**20**		**176,590,247,261**	**258,985,073,557**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5,707,299,738	6,549,644,346
Chi phí tài chính	22	6.4	58,042,052,995	46,379,556,734
Trong đó: chi phí lãi vay	23		*39,818,311,305*	*37,144,245,598*
Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	27,412,546,716	8,222,872,093
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	24,998,536,047	22,091,186,637
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**30**		**71,844,411,241**	**188,841,102,439**
Thu nhập khác	31	6.7	3,187,573,586	2,494,796,355
Chi phí khác	32	6.8	13,106,456,343	38,907,222,804
Lợi nhuận khác	**40**		**(9,918,882,757)**	**(36,412,426,449)**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**61,925,528,484**	**152,428,675,990**
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		13,379,887,765	32,151,311,151
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**48,545,640,719**	**120,277,364,839**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		48,484,699,647	120,277,364,839
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(308,826,329)	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	573	1,643

LÊ THANH CƯỜNG
Người lập biểu

LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN VIẾT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT
Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Mã số	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**61,925,528,484**	**152,428,675,990**
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	63,885,836,211	58,199,976,406
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1,557,008,782	488,541,291
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	9,215,859,022	1,284,891,018
Chi phí lãi vay	06	39,818,311,305	37,144,245,598
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	***176,402,543,804***	***249,546,330,303***
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2,124,671,434	34,862,298,729
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(36,171,893,663)	(23,186,555,338)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	819,218,252	4,487,674,834
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(9,143,210,727)	(3,215,514,635)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(39,818,311,305)	(43,535,811,459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34,169,888,952)	(6,724,397,009)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5,000,000,000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**65,043,128,843**	**212,234,025,424**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(36,892,230,315)	(18,410,492,218)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3,000,000,000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,488,176,865	279,321,669
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(38,404,053,450)**	**(18,131,170,549)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	306,261,938,619	291,021,475,866
Tiền trả nợ gốc vay	34	(342,184,543,668)	(388,989,425,019)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36,566,782,775)	(36,600,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(72,489,387,824)**	**(134,567,949,153)**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	**50**	**(45,850,312,431)**	**59,534,905,722**
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	**60**	**93,068,388,254**	**33,533,482,532**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	356,006,216	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	**47,574,082,039**	**93,068,388,254**

Người lập biểu **Kế toán trưởng** **Chủ tịch HĐQT**

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ) là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn (gồm công ty mẹ và công ty con) kinh doanh trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp – chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và cà phê để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con là:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Tha Luông, huyện Păkse, tỉnh Chămpasăk, Lào	100%	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	75%	75%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư

số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chínhphát sinh hoạt động mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ lần lượt được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chínhsau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.6. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2017: 0,3745 LAK/VND
31/12/2018: 0,3776 LAK/VND

4.7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,…) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

4.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoànbao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoànnhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (10 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính

đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Giấy chứng nhận ISO

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.12. Các khoản nợ phải trả và Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	Công ty mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	466.669.846	390.485.969
Tiền gửi ngân hàng	14.107.412.193	59.677.902.285
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	33.000.000.000	33.000.000.000
	47.574.082.039	**93.068.388.254**

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Centrotrade Deutschland GMBH	3.078.801.840	
Premium Commodites SND BHD	3.047.811.861	
Rich UK Ltd.	589.184.631	
Ukko Corporation	9.268.579.853	
Công ty TNHH Tân Xuân	-	420.000.000
	15.984.378.185	**420.000.000**

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk	392.026.320	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty xây dựng cầu đường Champasak	1.548.326.796	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí BK	-	2.195.229.465
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ H&K	-	1.800.962.579
XDCB Lê Văn Yên - Công ty xây dựng Chămpasăk	1.532.533.008	440.891.775
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư IR	95.700.000	-
Công ty TNHH Thương mại Truyền thông KENIT	364.000.000	-
Công ty Tâm Thành Phát	276.775.000	-
Các nhà cung cấp khác	336.449.733	794.858.205
	4.545.810.857	**5.231.942.024**

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018 Giá trị VND	31/12/2018 Dự phòng VND	01/01/2018 Giá trị VND	01/01/2018 Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi	473.367.000	-	645.306.200	-
Tạm ứng của nhân viên	685.294.465	-	136.250.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	252.608.947	-	808.275.037	-
	1.411.270.412	**-**	**1.589.831.237**	**-**

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2018 Giá gốc VND	31/12/2018 Dự phòng VND	01/01/2018 Giá gốc VND	01/01/2018 Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.033.010.948	-	6.308.911.127	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.163.462.128	-	2.796.783.615	-
Thành phẩm	59.926.708.921	-	39.302.638.289	-
	81.123.181.997	**-**	**48.408.333.031**	**-**

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Vườn cây lâu năm VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	186.898.960.652	70.631.214.211	34.910.532.919	2.492.370.106	1.134.329.488.786	1.429.262.566.674
Mua sắm mới	5.201.148.569	7.969.137.532	5.885.198.039	-	-	19.055.484.140
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.194.226.960	-	-	-	103.565.238.459	108.759.465.419
Thanh lý, nhượng bán	(930.848.483)	(319.690.201)	-	(2.152.141.312)	(13.252.674.820)	(16.655.354.816)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(1.534.392.951)	(2.829.244.609)	1.981.393.400	(19.646.758)	(9.088.953.095)	(11.490.844.013)
Tại ngày 31/12/2018	**194.829.094.747**	**75.451.416.933**	**42.777.124.358**	**320.582.036**	**1.215.553.099.330**	**1.528.931.317.404**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Tại ngày 01/01/2018	84.331.935.218	39.217.411.429	23.083.102.657	2.350.082.514	140.332.021.469	289.314.553.287
Khấu hao trong năm	10.051.861.819	6.484.455.816	2.902.815.040	43.114.117	46.718.969.825	66.201.216.617
Thanh lý, nhượng bán	(848.407.574)	(319.690.201)	-	(2.114.885.637)	(2.075.271.933)	(5.358.255.345)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(692.343.749)	(321.964.978)	(189.196.076)	(18.775.004)	(1.152.090.219)	(2.374.370.026)
Tại ngày 31/12/2018	**92.843.045.714**	**45.060.212.066**	**25.796.721.621**	**259.535.990**	**183.823.629.142**	**347.783.144.533**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	102.567.025.434	31.413.802.782	11.827.430.262	142.287.592	993.997.467.317	1.139.948.013.387
Tại ngày 31/12/2018	**101.986.049.033**	**30.391.204.867**	**16.980.402.737**	**61.046.046**	**1.031.729.470.188**	**1.181.148.172.871**

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2018	34.189.632.466	9.105.374.677	14.072.655.339	120.688.559	-	57.488.351.041

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 992.455.099.470 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy chứng nhận ISO VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	376.918.020	617.791.722	994.709.742
Mua trong năm	5.272.702.500	-	5.272.702.500
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(5.071.913)	(5.071.913)
Tại ngày 31/12/2018	**5.649.620.520**	**612.719.809**	**6.262.340.329**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Tại ngày 01/01/2018	253.319.675	278.006.275	531.325.950
Khấu hao trong năm	-	61.271.981	61.271.981
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(2.282.361)	(2.282.361)
Tại ngày 31/12/2018	**253.319.675**	**336.995.895**	**590.315.570**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	123.598.345	339.785.447	463.383.792
Tại ngày 31/12/2018	**5.396.300.845**	**275.723.914**	**5.672.024.759**

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	1.245.275.989
Chi phí xây dựng vườn Sầu riêng	2.135.486.660	-
Công trình tại văn phòng Công ty	111.388.769	112.310.812
Công trình tại Nông trường 1	6.114.074.484	2.476.637.266
Công trình tại Nông trường 2	63.828.399.624	72.149.555.282
Công trình tại Nông trường 3	424.507.937	26.366.748.822
Công trình tại Nông trường 4	12.227.221.260	78.685.972.307
	84.841.078.734	**181.036.500.478**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 70.394.525.455 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

5.9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công cụ dụng cụ của Trụ sở Công ty	40.643.684	86.037.745
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	1.197.352.995	-
Văn phòng Công ty tại Lào	4.775.575.471	1.585.463.215
Nông trường 1	5.088.607.280	2.361.288.777
Nông trường 2	2.508.744.068	1.942.701.637
Nông trường 3	9.698.169.873	7.908.627.372
Nông trường 4	878.913.766	711.155.463
Xí nghiệp chế biến mũ	1.671.623.493	2.121.145.694
Cộng	**25.859.630.630**	**16.716.419.903**

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co.Ltd	1.385.169.492	204.325.768
Công ty TNHH Xây dựng cầu đường số 1	-	107.386.916
XDCB Trần Anh Long	457.555.614	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải BMC Sài Gòn	218.736.001	-
Sở điện lực Huyện Lào Ngam	323.871.822	-
Công ty TNHH Cảnh quang và Dinh dưỡng Hoa Việt	119.100.000	-
Công ty TNHH Phong Lan Buôn Ma Thuột	109.958.050	-
Các nhà cung cấp khác	1.038.127.299	493.585.321
Cộng	**3.652.518.278**	**805.298.005**

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước của khách hàng khác		
Công ty TNHH Tân An Thịnh Việt Nam	-	1.690.966.622
Công ty UKKO chuyển tiền đặt cọc hợp đồng số 01/SP-DRI.UK'17	6.699.813.120	303.730.560
Cộng	**6.699.813.120**	**1.994.697.182**

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018		Số phát sinh trong năm			31/12/2018
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Phải nộp VND
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.417.783.734	(11.417.783.734)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.303.092.265	-	16.007.109.222	(34.169.888.952)	(2.817.918.823)	4.322.393.712
Thuế thu nhập cá nhân	815.749.677	-	9.837.591.365	(9.013.437.992)	(6.639.536)	1.633.263.514
Thuế nhà đất	-	-	2.016.000	(2.016.000)	-	-
Tiền thuê đất	-		1.446.918.430	(1.391.633.101)	-	55.285.329
Các loại thuế khác	-	-	54.863.859	(50.928.595)	-	3.935.264
	26.118.841.942	**-**	**38.766.282.610**	**(56.045.688.374)**	**(2.824.558.359)**	**6.014.877.819**

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong kỳ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mủ, sau đó phải nộp thuế lợi tức tính trên doanh thu bán thành phẩm với tỷ suất 5% và thuế suất 20%. Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

Tiền thuê đất

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk phải nộp tiền thuê đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty con được miễn tiền thuê đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty con có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

5.13. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 12 và lương hiệu quả kinh doanh còn phải trả cho người lao động

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Chi phí xây dựng cơ bản	-	3.860.738.035
Tiền thuê đất	-	5.457.405.340
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường	905.715.972	2.123.848.110
Chi phí vận chuyển và chi phí xuất hàng	640.471.180	-
Chi phí phải trả khác	2.750.937	476.646.427
Cộng	**1.548.938.089**	**11.918.637.912**

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	*41.849.015.209*	*41.849.015.209*	*70.050.243.632*	*70.050.243.632*
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	*129.398.982.169*	*129.398.982.169*	*89.684.221.007*	*89.684.221.007*
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk	*1.414.406.198*	*1.414.406.198*	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	47.340.829.656	47.340.829.656	45.157.463.209	45.157.463.209
	220.003.233.232	***220.003.233.232***	***204.891.927.848***	***204.891.927.848***

(i) Khoản vay với hạn mức 40.000.000.000 LAK tại Ngân hàng Việt Lào (LaoVietBank) theo hợp đồng tín dụng số 38/HĐTD.LVB.CPS ngày 11 tháng 5 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng món vay cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 476 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 24 tháng 8 năm 2009, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 08 tháng 5 năm 2010.

Ngày 22/05/2017 Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 67/HĐTD.LVB.CPS, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 38/HĐTD.LVB.CPS ngày 11 tháng 5 năm 2016. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009.

Ngày 22/05/2018 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 37/HĐTD.LVB.CPS, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 38/HĐTD.LVB.CPS ngày 11 tháng 5 năm 2016. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009 và một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018.

(ii) Khoản vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD/2016/PGD.CPS ngày 01 tháng 7 năm 2016 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 7%/năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Vay ngắn hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	159.734.464.639	45.157.463.209	204.891.927.848
Số tiền vay phát sinh	306.261.938.619	-	306.261.938.619
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	47.340.829.656	47.340.829.656
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.124.816.835	383.183.411	5.508.000.246
Số tiền vay đã trả	(297.133.186.030)	(45.051.357.638)	(342.184.543.668)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(1.325.630.487)	(489.288.982)	(1.814.919.469)
Tại ngày 31/12/2018	**172.662.403.576**	**47.340.829.656**	**220.003.233.232**

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018

	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn với các bên liên quan				
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (i)	308.900.957.302	308.900.957.302	349.271.955.630	349.271.955.630
	308.900.957.302	***308.900.957.302***	**349.271.955.630**	**349.271.955.630**

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 06/HĐTD/2013/KHDN ngày 05 tháng 6 năm 2013 với lãi suất ban đầu là 8%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK), mức lãi suất trên sẽ thay đổi theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm vay để thực hiện dự án đầu tư "Phát triển cao su, cà phê, điều tại các tỉnh Nam Lào". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là giá trị vườn cây cao su tại Nông trường 2 và một phần diện tích vườn cây cao su tại Nông trường 4 tại tỉnh Salavan.

Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty con tiếp tục ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ công ty mẹ đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH cao su Đăklăk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

(ii) Khoản vay Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk theo hợp đồng vay số 02/HĐVV-2015-DRI ngày 12 tháng 1 năm 2015 và hợp đồng vay số 01/HĐVV-2015-DRI ngày 12 tháng 1 năm 2015, thời gian vay tối đa 7 năm với số tiền vay là 136.058.946.574 VND. Tiền vay sử dụng để đầu tư cho dự án đầu tư và phát triển cao su, điều, ca cao tại các tỉnh Nam Lào.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào:

	VND
Tại ngày 01/01/2018	349.271.955.630
Số tiền vay phát sinh	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.837.284.682
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(47.340.829.656)
Chênh lệch tỷ giá	(2.867.453.354)
Tại ngày 31/12/2018	**308.900.957.302**

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.15.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

5.16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND
Số 01/01/2018	50.053.405
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.615.255.066
Tăng khác	19.931.144
Chi quỹ	(1.791.237.693)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	VND
Chênh lệch tỷ giá	(54.720.489)
Số dư 31/12/2018	**4.839.281.433**

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	732.000.000.000	37.439.741.854	-	(26.712.719.312)	742.727.022.542
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	33.273.263.852	-	-	33.273.263.852
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	120.277.364.839	120.277.364.839
Chia cổ tức	-	-	-	(36.600.000.000)	(36.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	**732.000.000.000**	**70.713.005.706**	**-**	**56.964.645.527**	**859.677.651.233**
Tại ngày 01/01/2018	732.000.000.000	70.713.005.706	-	56.964.645.527	859.677.651.233
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(159.022.130)	-	-	(159.022.130)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	48.545.640.719	48.545.640.719
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	12.027.736.484	(18.642.991.550)	(6.615.255.066)
Chia cổ tức	-	-	-	(36.600.000.000)	(36.600.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	**732.000.000.000**	**70.553.983.575**	**12.027.736.484**	**50.267.294.697**	**864.849.014.756**

5.17.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	31/12/2018 Giá trị (VND)	31/12/2018 Tỷ lệ (%)	01/01/2018 Giá trị (VND)	01/01/2018 Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60	487.500.000.000	66,60
Các cổ đông khác	244.500.000.000	33,40	244.500.000.000	33,40
	732.000.000.000	**100,00**	**732.000.000.000**	**100,00**

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.200.000	73.200.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*73.200.000*	*73.200.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	31/12/2018	01/01/2018
- *Cổ phiếu phổ thông*	*73.200.000*	*73.200.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Trong năm, Công ty đã thanh toán 50% cổ tức còn lại (trong tổng số cổ tức 10% vốn điều lệ) bằng tiền mặt theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm.

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	337.346.851.884	322.981.992.633
Giá vốn khác	94.406.245	335.011.105
	337.441.258.129	**323.317.003.738**

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.880.129.312	106.670.232
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.414.553	172.651.437
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.708.380.874	6.270.322.677
Lãi bán hàng trả chậm	37.374.999	-
Cộng	**5.707.299.738**	**6.549.644.346**

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	36.742.820.992	37.144.245.598
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.936.030.040	7.572.802.217
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.557.008.782	488.541.291
Chi phí tài chính khác	806.193.181	1.173.967.628
	58.042.052.995	**46.379.556.734**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí cho nhân viên	2.977.132.693	2.763.611.445
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.179.695.376	1.507.894.571
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.094.632	331.432.230
Chi phí vận chuyển	14.733.430.086	2.433.821.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.126.357.996	430.000.558
Các chi phí khác	2.083.835.933	756.111.297
	27.412.546.716	**8.222.872.093**

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí cho nhân viên	11.421.400.360	8.123.646.387
Chi phí đồ dùng văn phòng	714.097.048	601.569.120
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.394.892.426	2.388.210.405
Chi phí bảo hiểm vườn cây	4.788.036.978	5.474.361.359
Thuế, phí và lệ phí	89.536.344	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.299.502	1.372.508.747
Các chi phí khác	4.282.273.389	4.130.890.619
	24.998.536.047	**22.091.186.637**

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ bán mủ đất	2.154.187.643	2.494.796.355
Tiền bồi thường	147.840.180	-
Thu nhập khác từ chăm sóc vườn cây	871.496.505	-
Thu nhập khác	14.049.258	-
	3.187.573.586	**2.494.796.355**

6.8. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	11.177.402.887	625.054.222
Xử lý thiệt hại đầu tư theo Thông báo số 56 của Hội đồng quản trị	-	37.827.858.881
Thuế bị phạt, bị truy thu	236.723.716	-
Tiền phạt vi phạm hành chính	788.983.051	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	32.085.043	
Chi phí khác từ chăm sóc vườn cây	848.731.320	-
Chi phí khác	22.530.326	454.309.701
	13.106.456.343	**38.907.222.804**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.050.570.260	57.040.127.394
Chi phí nhân công	230.787.757.415	232.553.252.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.972.898.283	58.199.976.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.356.572.210	13.060.434.337
Chi phí khác	17.364.628.047	13.887.309.583
	411.532.426.215	**374.741.100.101**

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	48.545.640.719	113.662.109.773
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	48.545.640.719	113.662.109.773
Cổ phiếu phổ thông công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)(*)	73.200.000	73.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**663**	**1.553**

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**73.200.000**	**73.200.000**

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	306.261.938.619	291.021.475.866
	306.261.938.619	**291.021.475.866**

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	342.184.543.668	388.989.425.019
	342.184.543.668	**388.989.425.019**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk		
Trả gốc vay	-	49.145.724.998
Lãi tiền vay đã trả	-	7.237.520.713
Lãi vay phát sinh	-	1.556.964.712
Thu nhập từ chăm sóc vườn cây	871.496.505	-

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty TNHH Một thành viên Cao su Đắk Lắk		
Trả trước tiền thuê	392.026.320	-
Cộng nợ phải thu	**392.026.320**	**-**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan năm 2018 là 1.522.316.955 VND (năm 2017 là: 807.384.798 VND).

8.2 Số liệu so sánh

Các sai sót

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, Sở thuế tỉnh Champasak đã kiểm tra quyết toán thuế năm 2017 của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (tại Lào). Theo đó mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp Công ty con tại Lào phải chịu là 20% tính trên lợi nhuận, thay vì mức thuế lợi tức 20% tính trên tỷ suất 5% của doanh thu bán thành phẩm như những năm trước đây. Việc thay đổi mức thuế suất tính cho năm 2017 đã làm thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2017 phải nộp bổ sung của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (tại Lào) tăng 9.075.099.746 LAK (tương đương 24.232.576.091 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.886.265.851	24.232.576.091	26.118.841.942	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	81.197.221.618	(24.232.576.091)	56.964.645.527	
LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	*84.334.526.844*	*(24.232.576.091)*	*60.101.950.753*	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ					
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	7.918.735.060	24.232.576.091	32.151.311.151	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	144.509.940.930	(24.232.576.091)	120.277.364.839	
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	*61*	144.509.940.930	(24.232.576.091)	120.277.364.839	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	*70*	1.974	(421)	1.553	(ii)

Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú

(i) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Việc điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 2017 đã làm tăng thêm thuế phải trả đồng thời giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 là 24.232.576.091 VND.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 2017 đã làm tăng thêm thuế phải trả đồng thời giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2017 là 24.232.576.091 VND. Đồng thời theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2018 Công ty có trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi 6.615.255.066 VND từ lợi nhuận năm 2017.

8.3 Công cụ tài chính

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tỷ giá hối đoái giữa đồng LAK và VND ít biến động.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	220.003.233.232	308.900.957.302	528.904.190.534
Phải trả người bán	3.652.518.278	-	3.652.518.278
Chi phí phải trả	1.548.938.089	-	1.548.938.089
Phải trả khác	790.976.917	-	790.976.917
	225.995.666.516	**308.900.957.302**	**534.896.623.818**
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	204.891.927.848	349.271.955.630	554.163.883.478
Phải trả người bán	805.298.005	-	805.298.005
Chi phí phải trả	11.918.637.912	-	11.918.637.912
Phải trả khác	785.050.486	-	785.050.486
	218.400.914.251	**349.271.955.630**	**567.672.869.881**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.6 và 5.8).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.574.082.039	93.068.388.254	47.574.082.039	93.068.388.254
Phải thu khách hàng	15.984.378.185	420.000.000	15.984.378.185	420.000.000
Các khoản phải thu khác	1.411.270.412	1.589.831.237	1.411.270.412	1.589.831.237
	64.969.730.636	**95.078.219.491**	**64.969.730.636**	**95.078.219.491**
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	528.904.190.534	554.163.883.478	528.904.190.534	554.163.883.478
Phải trả người bán	3.652.518.278	805.298.005	3.652.518.278	805.298.005
Chi phí phải trả	1.548.938.089	11.918.637.912	1.548.938.089	11.918.637.912
Phải trả khác	790.976.917	785.050.486	790.976.917	785.050.486
	534.896.623.818	**567.672.869.881**	**534.896.623.818**	**567.672.869.881**

8.4 Thông tin về bộ phận

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là trồng cây cao su, chế biến mủ cao su và trong một khu vực địa lý là tỉnh Champasak và tỉnh Salavan của Lào.

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tình hình tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 125.536.805.962 VND (01/01/2018: 129.214.710.697 VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc cổ đông chiến lược tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng các cổ đông chiến lược sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

LÊ THANH CƯỜNG	**LÊ THANH CƯỜNG**	**NGUYỄN VIẾT TƯỢNG**
Người lập	**Kế toán trưởng**	**Chủ tịch HĐQT**
		Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

Đắk Lắk, ngày 02 tháng 04 năm 2019

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 6001271719 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
TP. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK

Nguyễn Viết Tượng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Số điện thoại: (262) 3 867 676

Số fax: (262) 3 865 303

Website: www.dri.com.vn